BAO LONG INSURANCE

CHUYỂN ĐỔI **TOÀN DIỆN**
NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
DN: E=huy.hachi@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301458065, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG, L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-04-27 17:51:45

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

01 GIỚI THIỆU CÔNG TY

04 Các chỉ số tài chính cơ bản
06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
10 Tổng quan về Bảo Long
14 Ngành nghề và mạng lưới kinh doanh
16 Lịch sử hình thành và phát triển
18 Thông tin cổ phần và Cổ đông
20 Sự kiện nổi bật trong năm 2017
22 Giải thưởng tiêu biểu
24 Mô hình tổ chức
26 Hội đồng Quản trị
29 Ban Tổng Giám đốc
32 Ban Kiểm soát
34 Định hướng phát triển giai đoạn 2018 -2023
36 Các rủi ro

02 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

40 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017
44 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh
48 Nguồn nhân lực
52 Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2018 - 2023

03 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

58 Quản trị Doanh nghiệp hướng đến phát triển bền vững
60 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
62 Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội
63 Trách nhiệm với môi trường

04 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

66 Thông tin chung
68 Báo cáo của Ban Điều hành
69 Báo cáo kiểm toán độc lập
71 Bảng cân đối kế toán
74 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
77 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
79 Thuyết minh báo cáo tài chính
121 Mạng lưới hoạt động

CHỈ SỐ
TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	2015	2016	2017
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	491	605	**792**
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	567	765	**893**
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	35	39	**58**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	87	118	**143**
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	15	**26**
Tổng lợi nhuận kế toán	20	15	**29**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15	12	**22**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	15	12	**22**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	361	240	**343**
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tổng tài sản	1.260	1.430	**1.662**
Tài sản ngắn hạn	875	1.149	**1.336**
Tài sản dài hạn	385	280	**326**
Nguồn vốn	1.260	1.430	**1.662**
Nợ phải trả	823	885	**1.016**
Vốn chủ sở hữu	437	545	**646**
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)			
Tỷ suất lợi nhuận gộp biên	17,75	19,51	**18,04**
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	4,12	2,52	**3,65**
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư chủ sở hữu bình quân (ROEA)	5,47	3,38	**5,25**
Tỷ suất sinh lợi trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	1.32	1,13	**1,87**

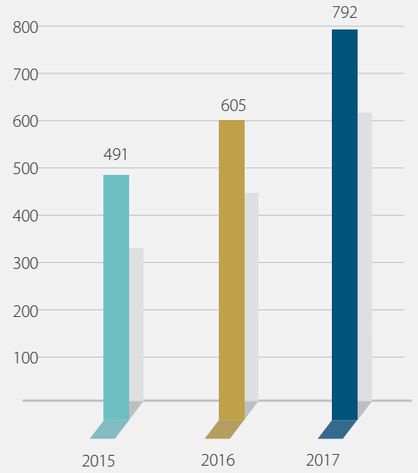

TỔNG DOANH THU BẢO HIỂM (tỷ đồng)

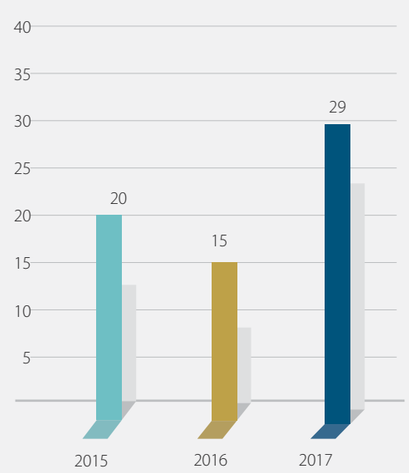

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)

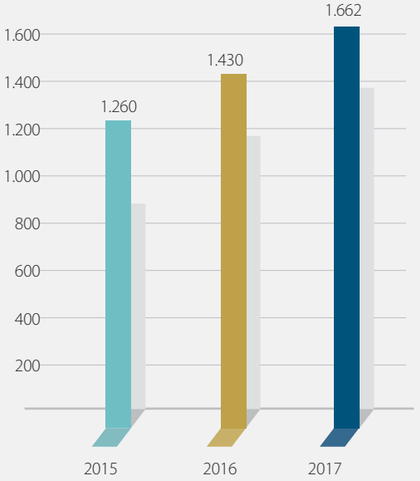

TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)

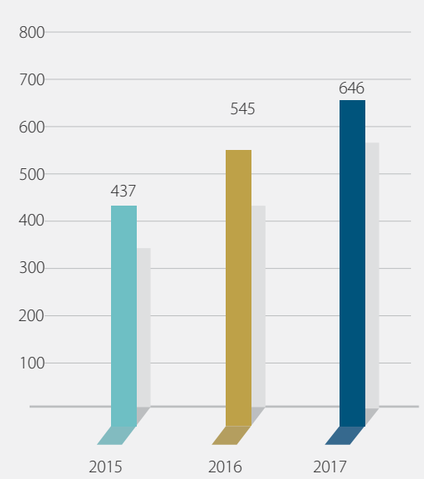

VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)

951 TỶ VNĐ

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

TĂNG 18% SO VỚI NĂM 2016

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên.

Năm 2017, thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực. Năm 2017 cũng là năm đánh dấu những kỷ lục của Bảo Long khi đã đạt được những kết quả ấn tượng trong hoạt động kinh doanh, doanh thu phí bảo hiểm đạt 951 tỷ đồng, tăng trưởng 18%, tổng tài sản đạt 1.662 tỷ đồng. Hiện tại, mạng lưới của Bảo Long đã phát triển với 46 Công ty thành viên, 230 điểm giao dịch và gần 1.000 đại lý bán lẻ trải rộng khắp trên cả nước.

Bên cạnh đó, Bảo Long tăng cường ký kết hợp tác với nhiều đối tác lớn, uy tín trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực như: Ngân hàng, Bán lẻ, Công nghệ...đồng thời ra mắt nhiều sản phẩm vượt trội như: Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cao cấp – Asia Care Plus cùng MSH,…từ đó đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đưa ra nhiều lựa chọn hơn cho Khách hàng. Sự tăng trưởng vượt bậc trên mọi phương diện và được Khách hàng tin cậy lựa chọn là kết quả của sự nỗ lực, bứt phá của toàn thể đội ngũ quản trị, điều hành và CBNV của Bảo Long với tâm thế vì lợi ích Khách hàng và cổ đông, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong năm 2017, Bảo Long đã hoàn thành giai đoạn tái cơ cấu 2013-2017. Đây là tiền đề để Tổng Công ty bước vào giai đoạn phát triển tiếp theo, tiếp tục nâng cao giá trị cốt lõi của Bảo Long và chuẩn bị sẵn sàng tâm thế, nguồn lực cho hoạt động kinh doanh, hoạt động cộng đồng trong thời kỳ mới.

Với sứ mệnh **luôn đồng hành và mang đến sự an tâm cho Khách hàng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho cộng đồng và xã hội,** toàn thể cán bộ, nhân viên Bảo Long sẽ chung sức đồng lòng để

Tập trung đẩy mạnh, triển khai các giải pháp chiến lược, sẵn sàng các nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu trong bước chuyển đổi toàn diện, tạo sự bứt phá trong tương lai.

hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh trong năm 2018, tạo tiền đề và thực hiện thành công mục tiêu chiến lược giai đoạn 2018 - 2023 của Bảo Long đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc mọi điều tốt lành đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thành Long

NỀN TẢNG VỮNG VÀNG **TỰ TIN TIẾN BƯỚC**

Trong suốt chặng đường hơn 22 năm hoạt động, Bảo Long luôn lấy Khách hàng là trọng tâm. Nhờ đó, Công ty ngày càng khẳng định vị thế của mình, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho cộng đồng và xã hội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh	:	**Bao Long Insurance Corporation**
Tên giao dịch	:	Bảo hiểm Bảo Long
Tên viết tắt	:	Bảo Long
Ngày thành lập	:	11/07/1995
Giấy ĐKKD	:	số 71/GPĐC19/KDBH được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh và hoạt động ngày 09/06/2017
Mã số thuế	:	0301458065
Trụ sở chính	:	185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	:	(84.28) 38 239 219
Fax	:	(84.28) 38 228 967
Email	:	info@baohiembaolong.vn
Website	:	**www.baohiembaolong.vn**
Nhóm ngành	:	Bảo hiểm phi nhân thọ
Vốn điều lệ	:	**600.000.000.000** đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
Tổ chức kiểm toán	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng), được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995. Là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

Trong suốt 22 năm qua, Bảo Long luôn củng cố để hoàn thiện bộ máy tổ chức hoạt động, đẩy mạnh việc mở rộng mạng lưới bán lẻ truyền thống thông qua việc gia tăng số lượng Công ty thành viên, phòng kinh doanh rộng khắp từ Nam ra Bắc. Đến nay, Bảo Long có gần 1.000 đại lý bảo hiểm có kinh nghiệm và cán bộ nhân viên chuyên môn cao để đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu bảo hiểm.

Các công tác quản trị như quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát công nợ,... luôn được Bảo Long tăng cường chú trọng nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu trong hoạt động kinh doanh.

Với mục tiêu trở thành một trong những Doanh nghiệp Bảo hiểm được tín nhiệm hàng đầu Việt Nam, các sản phẩm dịch vụ do Bảo Long phát triển đều hội tụ đầy đủ các yếu tố tin cậy, an toàn. Chính vì vậy, các sản phẩm mang thương hiệu Bảo Long luôn nhận được sự tin tưởng của Khách hàng.

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm
được tín nhiệm hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Luôn đồng hành và mang đến sự an tâm cho Khách hàng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG LUÔN LÀ TRỌNG TÂM

Thấu hiểu nhu cầu của Khách hàng là nền tảng khởi đầu cho mọi giải pháp kinh doanh và định hướng hoạt động của Bảo Long.

NỀN TẢNG TÀI CHÍNH VỮNG CHẮC

Bảo Long luôn hoạt động với tiềm lực tài chính vững chắc, tương xứng với quy mô và vị thế của Bảo Long trên thị trường.

SẢN PHẨM PHÙ HỢP, ĐA DẠNG

Hệ thống sản phẩm của Bảo Long với hơn 100 sản phẩm sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng doanh nghiệp cũng như Khách hàng cá nhân.

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HOÀN HẢO

Song song với hệ thống sản phẩm đa dạng và phù hợp, Bảo Long không ngừng cải tiến và hoàn thiện chất lượng dịch vụ nhằm mang lại sự thỏa mãn và sự hài lòng cao nhất cho Khách hàng.

ĐỘI NGŨ CHÍNH TRỰC, CHUYÊN NGHIỆP

Chính trực và chuyên nghiệp là những tiêu chí hàng đầu trong quá trình tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Bảo Long.

ĐỀ CAO GIÁ TRỊ XÃ HỘI

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Bảo Long luôn đề cao và trân trọng các giá trị xã hội, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

CÁC CAM KẾT CỦA BẢO LONG

CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của Khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.

CAM KẾT VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển.

CAM KẾT VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

CAM KẾT VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

CAM KẾT VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.

CAM KẾT VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

NGÀNH NGHỀ
VÀ MẠNG LƯỚI KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ✓ Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc
- ✓ Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm
- ✓ Hoạt động đầu tư.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Bảo Long hiện có 230 đơn vị giao dịch bao gồm trụ sở chính, 46 đơn vị thành viên và phòng kinh doanh khu vực, hoạt động tại hầu hết các khu vực, tỉnh thành trong cả nước. Mạng lưới của Bảo Long được phân bổ tương đối đồng bộ, rộng khắp các khu vực, địa bàn trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Bảo Long. Ngoài ra, Bảo Long còn xây dựng hệ thống đại lý với gần 1.000 đại lý cá nhân/tổ chức trên toàn quốc.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Trong suốt chặng đường hơn 22 năm hình thành và phát triển, Bảo Long đã không ngừng tạo dựng niềm tin nơi Khách hàng, có nhiều đóng góp cho cộng đồng và xã hội, nhằm hướng đến những giá trị chân chính. Đó là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển vững mạnh của Bảo Long.

1995

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 06 Đơn vị thành viên, nâng tổng số Đơn vị thành viên lên 19 Đơn vị.

2014

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu Cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân Hàng TMCP Sài Gòn là Cổ đông chiến lược của Bảo Long. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị, và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn, Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2015.

2016

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam, Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2016.

2017

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài Chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam, Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2017.

600 TỶ VNĐ

VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 07/04/2017

Tính đến ngày 31/12/2017, thông tin về vốn của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	: 600.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 600.000.000.000 đồng
Số Cổ phiếu đang lưu hành	: 59.999.474 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 526
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số Cổ phiếu niêm yết	: 60.000.000 cổ phiếu

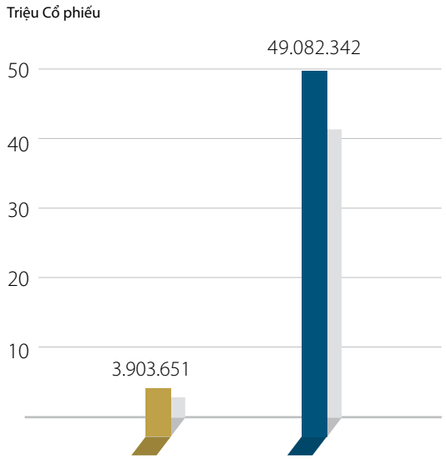

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN (cổ phiếu)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn	:	49.082.342
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	:	3.903.651

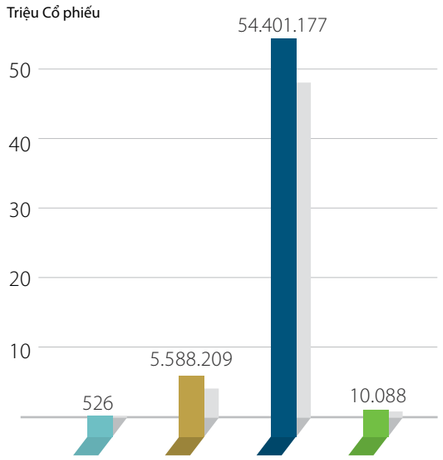

CƠ CẤU SỞ HỮU (cổ phiếu)

Cá nhân trong nước	:	5.588.209
Tổ chức trong nước	:	54.401.177
Cá nhân nước ngoài	:	10.088
Cổ phiếu quỹ	:	526

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT NĂM 2017 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2017

NGÀY 04/04/2017

1 LỄ KÝ KẾT BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC GIỮA CÔNG TY TNHH MANULIFE VIỆT NAM VÀ BẢO LONG.

25/05/2017

2 BẢO LONG ĐÃ HỢP TÁC VỚI SCB TRIỂN KHAI KÊNH BÁN BẢO HIỂM TRÊN GIAO DIỆN EBANKING (INTERNET BANKING INSURANCE).

THÁNG 07/2017

3 BẢO LONG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ATADI (ATADI) CHÍNH THỨC TRIỂN KHAI THỎA THUẬN HỢP TÁC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM BẢO HIỂM DU LỊCH HÀNG KHÔNG.

NGÀY 10/08/2017

4 BẢO LONG CHO RA MẮT SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE CAO CẤP - ASIA CARE PLUS VIETNAM.

THÁNG 07/2017

5 BẢO LONG HỢP TÁC CÙNG TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL) CUNG CẤP SẢN PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN QUA WEBSITE HTTP://BTA.BAOLONGINSURANCE.COM.VN

NGÀY 05/05/2017

6 CHÍNH THỨC TRIỂN KHAI "HỆ THỐNG GIÁM ĐỊNH TRỰC TUYẾN" TRÊN TOÀN HỆ THỐNG.

NGÀY 15/09/2017

7 TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG 24/7 CHÍNH THỨC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG SAU THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM.

NĂM 2017

8 THÀNH LẬP THÊM 5 CÔNG TY THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG.

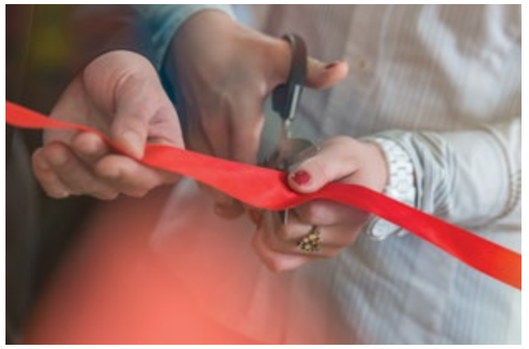

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TOP **10**

CÔNG TY BẢO HIỂM UY TÍN NHẤT VIỆT NAM"
NĂM 2016 VÀ NĂM 2017
Do Vietnam Report phối hợp với Báo Vietnam Net – Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức

TOP **20**

"THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG"
& "TOP 20 SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO 2017"
Do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu Việt Nam cùng Báo Thương hiệu và Công luận phối hợp tổ chức

GIẢI THƯỞNG **"THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM NĂM 2015 - 2016 - 2017"**
Do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp tổ chức

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

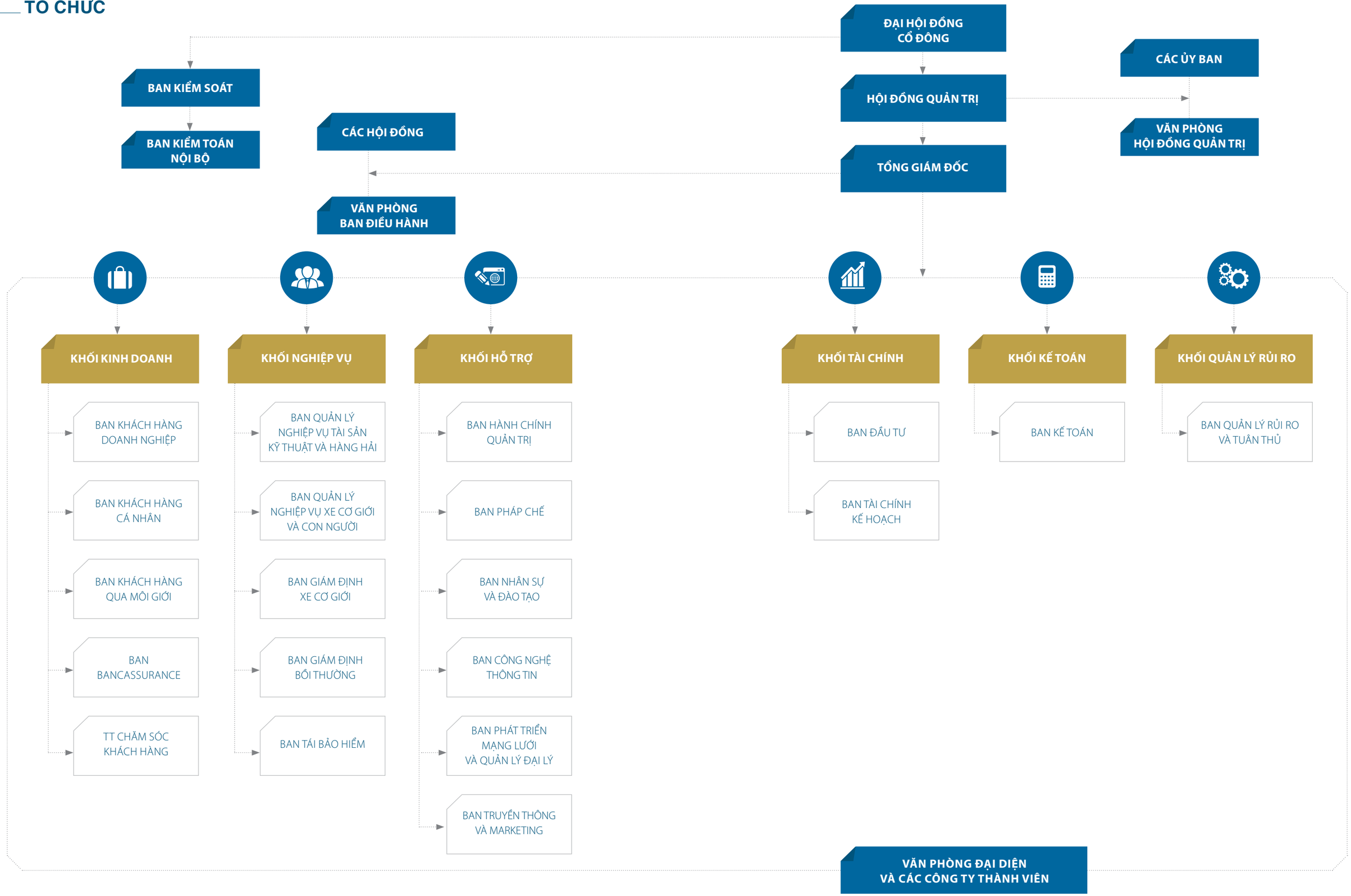

HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

Ông **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

Ông **NGUYỄN QUANG THÔNG**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Ông Thông từng giữ chức vụ thành viên BKS, Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Hiện nay, Ông Nguyễn Quang Thông đang đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Eximland, Thành viên HĐQT Eximbank. Ông Nguyễn Quang Thông đại diện vốn của Eximbank tham gia vào HĐQT với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT Bảo Long.

Ông **VÕ TẤN HOÀNG VĂN**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Võ Tấn Hoàng Văn tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, ACCA, CPA Việt Nam.

Ông Văn từng làm việc tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam và giữ các trọng trách như Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính Ngân hàng; Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và phát triển Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay Ông Võ Tấn Hoàng Văn đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Ông **PHAN QUỐC DŨNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Ngân hàng và chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Ông **NGUYỄN HỮU TUẤN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.

Ông Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và Tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt. Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.

Ông **TRẦN VĂN HỐI**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hối tốt nghiệp cao học Quản trị Kinh doanh (Post Graduate).

Ông Hối từng là Giám đốc Công ty Bảo hiểm Quảng Ninh (Bảo Việt Quảng Ninh), Giám đốc Công ty Bảo hiểm Hà Nội (Bảo Việt Hà Nội), Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế VN tại Tp.HCM; Phó Tổng Giám đốc Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) Phó Trưởng ban chỉ đạo, trực tiếp phụ trách thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không.

Hiện nay, Ông Trần Văn Hối là thành viên HĐQT của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Long

Bà **PHẠM MINH CHÂM**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **PHAN QUỐC DŨNG**
Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Bà **PHẠM MINH CHÂM**
Phó Tổng Giám đốc điều hành
kiêm Giám đốc Tài chính

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **DƯƠNG QUANG NGỌC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc từng đảm nhiệm các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Dương Quang Ngọc đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **TRẦN THANH NAM**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt-Bỉ (MMVB2).

Ông Nam từng đảm nhiệm các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Trần Thanh Nam đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Bà **NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA**
Kế toán trưởng
kiêm Giám đốc khối Kế toán

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kế toán – Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

Bà Nga có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Bà từng làm việc tại Công ty Bảo hiểm TPHCM, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Phó Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc Tài chính – Kế toán.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **NGUYỄN NGỌC LÂN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Bà **LÊ THANH HẰNG**
Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Hằng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng Phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải – Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **HÀ HOÀNG GIANG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Giang từng làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Phương thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **ĐOÀN TRỌNG THẮNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford); Trưởng phòng Kinh doanh số 5 – Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BAN KIỂM SOÁT

Bà **NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY**
Thành viên Ban Kiểm soát

Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ Phó Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Bà tham gia vào Ban Kiểm soát với vai trò thành viên Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Bà **LÊ THỊ THANH BÌNH**
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.

Ông **VÕ HOÀNG DUY TRINH**
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Trinh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh đang giữ chức vụ Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ông Trinh tham gia vào Ban Kiểm soát với vai trò thành viên Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

> "VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM, CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ DO BẢO LONG PHÁT TRIỂN ĐỀU HỘI TỤ ĐẦY ĐỦ CÁC YẾU TỐ TIN CẬY, AN TOÀN CỦA MỘT SẢN PHẨM BẢO HIỂM"

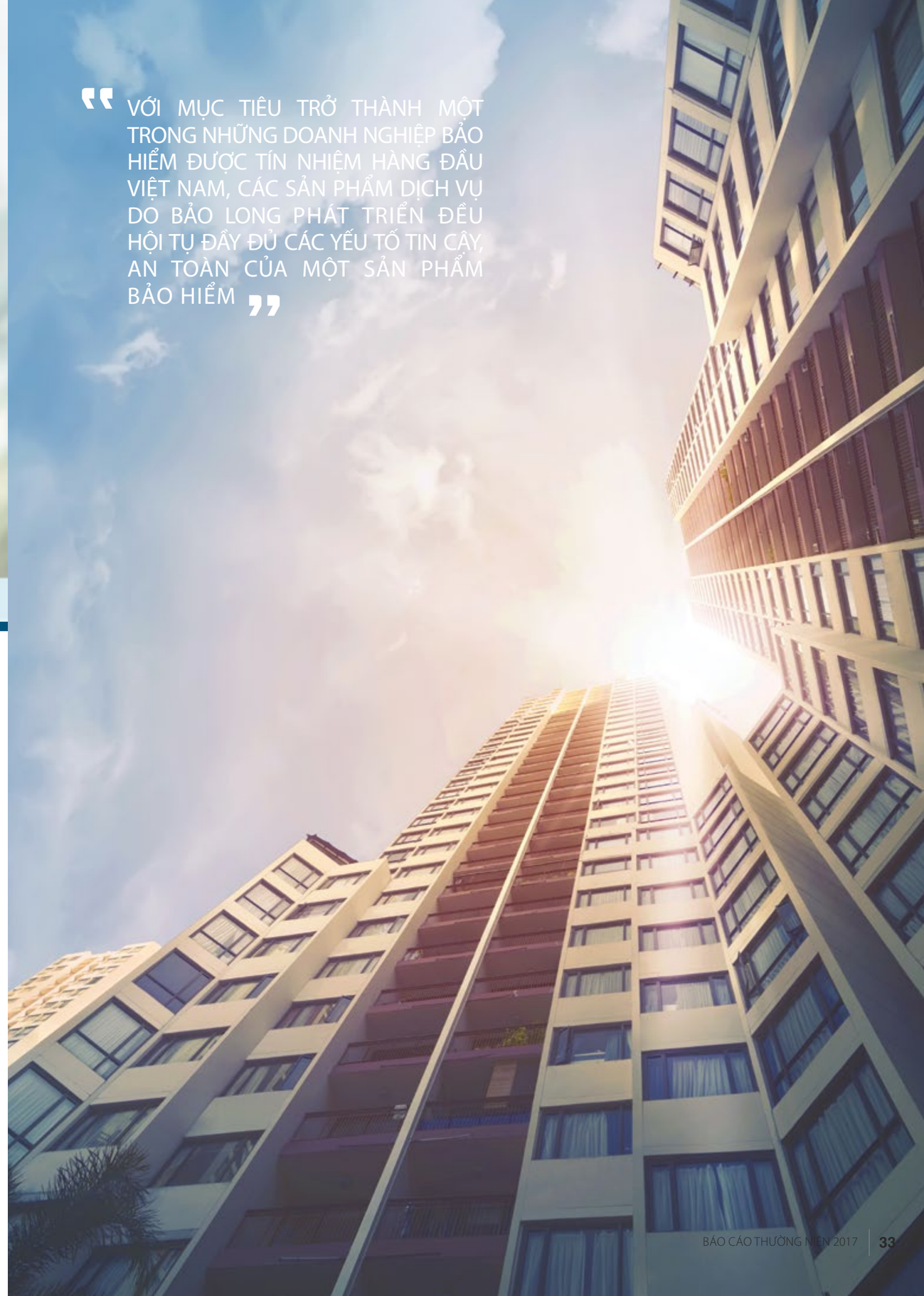

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tín nhiệm hàng đầu Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính, cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh thương hiệu của Bảo Long trên thị trường. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án CNTT để bắt kịp xu thế Insurtech trong đào tạo 4.0.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI
MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với cộng đồng.

Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.

Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

CÁC RỦI RO

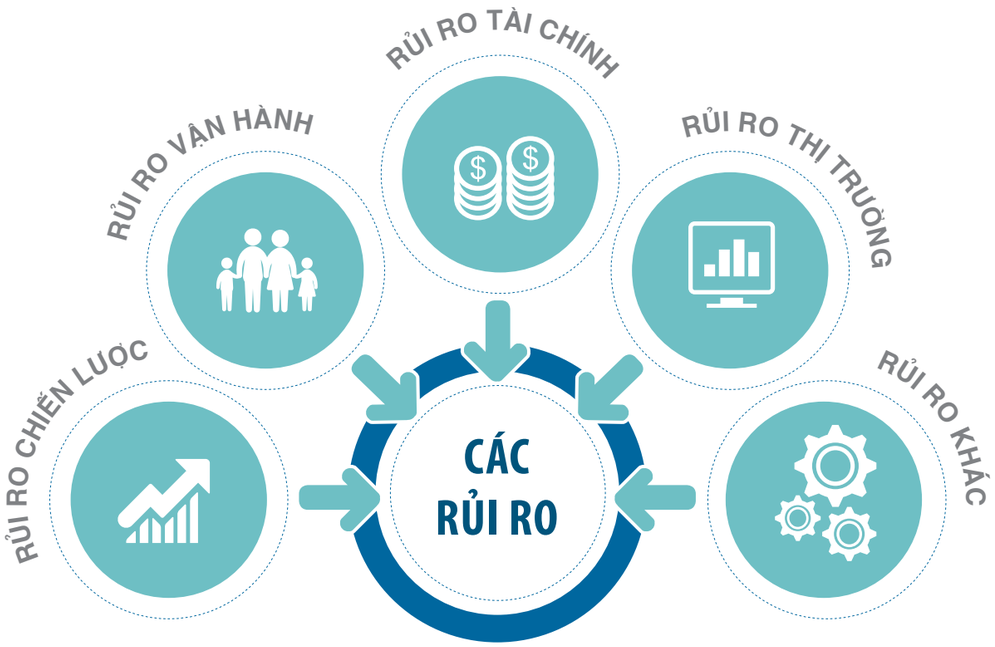

Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Bảo Long không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các giải pháp, công cụ để đo lường và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Bảo Long và các Công ty thành viên xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng.

Việc triển khai thành công khung quản trị rủi ro doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp tạo dựng được một công cụ hiệu quả vừa tạo thêm giá trị mới, vừa bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.

RỦI RO VẬN HÀNH

RỦI RO BẢO HIỂM

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,…

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ; cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên,…

RỦI RO GIAN LẬN VÀ TRỤC LỢI

Rủi ro gian lận và trục lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,… để góp phần giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO TÀI CHÍNH

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng không thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

RỦI RO LÃI SUẤT

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua. Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

RỦI RO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và/hoặc tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặt biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.

RỦI RO KHÁC

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

RỦI RO NHÂN SỰ

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của CBNV, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

KHẲNG ĐỊNH UY TÍN, **CAM KẾT BỀN LÂU**

Trong nhiều năm qua, Bảo Long vinh dự được nhận nhiều giải thưởng uy tín. Điều này là minh chứng rõ nét cho niềm tin và sự ủng hộ của Khách hàng đối với các chiến lược phát triển bền vững của Bảo Long. Đây cũng là động lực để Bảo Long không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

951 TỶ VNĐ

DOANH THU BẢO HIỂM NĂM 2017

↗ 18% SO VỚI NĂM 2016

1.662 TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2017

↗ 16,3% SO VỚI NĂM 2016

Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung thực hiện những nhóm giải pháp mang tính đột phá với trọng tâm là khai thác cơ hội từ thị trường, mạng lưới phân phối, sử dụng hiệu quả các nguồn lực then chốt sẵn có như nhân sự, tài chính, thương hiệu, công nghệ thông tin.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường và định hướng chiến lược của Bảo Long trong giai đoạn mới, Bảo Long sẽ tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm, dịch vụ và phát triển hệ thống CNTT, các quy trình liên quan nhằm góp phần xây dựng nền tảng vững chắc, qua đó giúp Bảo Long duy trì tốc độ tăng trưởng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 (tiếp theo)

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới đang tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật, Liên minh Châu Âu đều đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu cải thiện rõ rệt tác động tích cực đến tình hình kinh tế nước ta. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ là một trong những thách thức lớn đối với chúng ta. Đối với tình hình trong nước, bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như năng suất lao động, năng lực cạnh tranh thấp, thiên tai xảy ra thường xuyên và ngày càng khó lường tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế năm 2017.

Trước các thuận lợi và khó khăn đó, năm vừa qua Chính phủ đã có nhiều động thái tích cực và kịp thời để cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2017 có nhiều chuyển biến rõ rệt, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch 6,7% đề ra trước đó. Nền kinh tế đang dần hồi phục, cạnh tranh ngày càng gia tăng. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ NĂM 2017

Kinh tế vĩ mô dần phục hồi đã thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm của doanh nghiệp và người dân. Nhận thức về bảo hiểm của người dân dần được cải thiện, nhu cầu bảo hiểm dần tăng cao thúc đẩy thị trường tăng trưởng cao trong năm 2017.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, thị trường bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng khả quan. Báo cáo số liệu từ Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm (QLBH) Bộ Tài chính cho thấy, năm 2017 tổng doanh thu toàn thị trường ước đạt 105.611 tỷ đồng, tăng trưởng 21,2% (so với năm 2016), giá trị tổng tài sản toàn thị trường bảo hiểm đến hết năm 2017 ước đạt 302.935 tỷ đồng, tăng 23,44%. Trong năm 2017, các DNBH đã thực hiện tốt chức năng là tấm lá chắn tài chính cho người tham gia bảo hiểm trước rủi ro bất ngờ xảy ra. Theo đó, các DNBH đã bồi thường và trả tiền bảo hiểm ước đạt 29.423 tỷ đồng, tăng 14,92%.

Năm 2017, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường phi nhân thọ ước đạt 30.188 tỷ đồng, tăng 12,29% so với cùng kỳ năm 2016.

TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM NĂM 2018

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2018 được dự báo sẽ duy trì tăng trưởng ở mức trên 10% và có nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển doanh thu và thị phần.

Năm 2018, ngành bảo hiểm Việt Nam có nhiều thuận lợi. Theo các chuyên gia trong ngành, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2018 được dự báo sẽ duy trì tăng trưởng ở mức trên 10% và có nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển doanh thu và thị phần. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng, tạo động lực để bảo hiểm sức khỏe tăng trưởng do ý thức chăm sóc sức khỏe của người dân được nâng cao. Mức dân số đông, thu nhập hộ gia đình tăng cùng với sự đi lên của nền kinh tế và nhận thức về các sản phẩm bảo hiểm đang được cải thiện sẽ là những điều kiện thuận lợi để phân khúc bảo hiểm này phát triển trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, những lo ngại về thảm họa môi trường, thực phẩm không an toàn cũng sẽ làm gia tăng mạnh nhu cầu về các sản phẩm bảo hiểm mang tính bảo vệ.

Cùng với đó, bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm tài sản, thiệt hại cũng sẽ tăng trưởng. Kinh tế tăng trưởng tốt, nhu cầu đầu tư tư nhân và đầu tư cơ sở hạ tầng cùng với sự phát triển của mạng lưới logistic, đã tăng nhu cầu bảo hiểm mảng tài sản và xe cộ; Thu nhập người dân cải thiện, các chính sách giảm thuế đối với ô tô nhập khẩu, đã kích thích nhu cầu mua sắm các phương tiện xe hơi của các hộ gia đình.

Về pháp lý, hệ thống văn bản pháp luật cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm đang dần được hoàn thiện, kỳ vọng tạo đà cho thị trường phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 50/2017/TT- BTC (Thông tư 50) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm chính thức có hiệu lực từ ngày 1/7/2017 và thay thế cả 3 Thông tư cũ, gồm Thông tư 124/2012/TT-BTC, Thông tư 125/2012/TT-BTC và Thông tư 194/2014/TT-BTC, qua đó tạo được sự hợp nhất trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đặc biệt, tới đây Bộ Tài chính cũng dự kiến trình Chính phủ ban hành 2 Nghị định: Nghị định về Bảo hiểm nông nghiệp và Nghị định thay thế Nghị định số 130/2006/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 46/2012/NĐ-CP quy định về chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc...

Tuy được hỗ trợ nhiều từ hành lang pháp lý, nhưng để thị trường tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa đòi hỏi các DNBH phải tiếp tục nỗ lực nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, nâng cao chất lượng đại lý và chất lượng dịch vụ, đặc biệt là công tác giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2017

NHÓM 1 - BÁN HÀNG

NĂM 2017, BẢO LONG TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN MẠNH MẠNG LƯỚI BÁN LẺ TRUYỀN THỐNG, ĐỒNG THỜI TRIỂN KHAI VÀ PHÁT TRIỂN CÓ CHỌN LỌC/TRỌNG TÂM CÁC KÊNH PHÂN PHỐI MỚI.

Với mạng lưới bán lẻ truyền thống là các đơn vị thành viên, Bảo Long thành lập mới 5 đơn vị thành viên trong năm 2017, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46. Doanh thu từ phí bảo hiểm khai thác tại các đơn vị thành viên đạt 847,5 tỷ đồng, tăng trưởng 14%.

Khối Kinh doanh tại Trụ sở chính đạt 60,6 tỷ đồng doanh thu năm 2017, tăng trưởng 168% so với cùng kỳ. Trong đó, nổi bật là Ban Bancassurance và Ban Dịch vụ Khách hàng qua Môi giới. Doanh thu khai thác thông qua kênh Bancassurance trên toàn hệ thống tăng trưởng 154% so với cùng kỳ năm ngoái, đồng thời Bảo Long cũng đã ký kết thành công hợp đồng hợp tác toàn diện với các Ngân hàng TMCP mục tiêu. Doanh thu của Ban Dịch vụ Khách hàng qua Môi giới đạt 21 tỷ đồng, tăng trưởng 203%, ngoài ra Bảo Long cũng triển khai một số dịch vụ lớn về bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm sức khỏe cao cấp thông qua kênh phân phối này.

Doanh thu nhận tái năm 2017 đạt 57.823 triệu đồng, tăng trưởng 51% so với cùng kỳ.

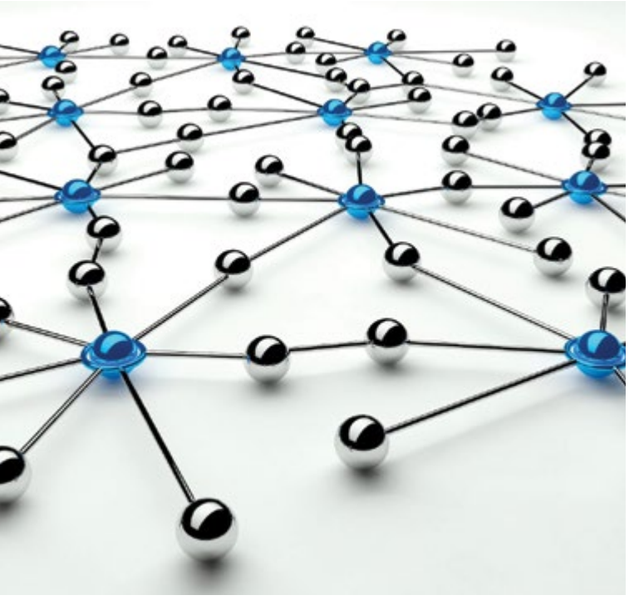

NHÓM 2 - CƠ CHẾ/ĐỊNH MỨC TÀI CHÍNH

PHÙ HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, GIẢM THIỂU MÂU THUẪN VỀ LỢI ÍCH.

Cơ chế tài chính năm 2017 đã có một số điều chỉnh để phù hợp hơn với định hướng và kế hoạch kinh doanh cụ thể, tập trung vào các nghiệp vụ, kênh phân phối có hiệu quả như nghiệp vụ BH hàng hóa, BH nhà tư nhân, BH tài sản và BH du lịch, kênh phân phối Bancassurance và qua môi giới.

Bên cạnh đó, Bảo Long cũng thường xuyên phát động các chương trình thi đua, khen thưởng và thúc đẩy bán hàng cho từng nghiệp vụ, kênh phân phối.

NHÓM 3 - CHÍNH SÁCH KHÁCH HÀNG

THIẾT LẬP NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ VÀ QUY TRÌNH VẬN HÀNH PHÙ HỢP, CÓ CHỌN LỌC THEO TỪNG NHÓM/ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG.

Bảo Long đã quy định lại chức năng nhiệm vụ của Khối Kinh doanh tại Trụ sở chính nhằm giao nhiệm vụ chăm sóc và phát triển quan hệ Khách hàng theo từng nhóm đối tượng Khách hàng. Theo đó, Khối Kinh doanh tại Trụ sở chính một mặt kinh doanh trực tiếp, một mặt là đầu mối phối hợp với các Công ty thành viên để hỗ trợ, chăm sóc Khách hàng.

Ngoài ra, toàn hệ thống đã triển khai quy định nhập mới và bổ sung thông tin Khách hàng nhằm chuẩn hóa thông tin, quản lý thống nhất dữ liệu Khách hàng. Đây là nền tảng để xây dựng chính sách Khách hàng toàn diện và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc Khách hàng tại các đơn vị.

NHÓM 4 - DỊCH VỤ SAU BÁN

TỔ CHỨC LẠI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ CỦA HỆ THỐNG GIÁM ĐỊNH, BỒI THƯỜNG.

Bảo Long đã triển khai hệ thống giám định online từ 18/04/2017 nhằm hướng dẫn, xử lý kịp thời các hồ sơ lớn/ phức tạp; kiểm soát, nâng cao chất lượng và thời gian giải quyết hồ sơ đồng thời hạn chế trục lợi bảo hiểm.

Về bồi thường, Bảo Long đã ban hành quy định về giá đồng sơn và phụ tùng nhằm thống nhất mức giá sửa chữa xe ô tô.

NHÓM 5 - HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

CỦNG CỐ, ĐỔI MỚI, TỔ CHỨC LẠI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHAI THÁC BẢO HIỂM.

Công tác quản lý đối với hoạt động kinh doanh khai thác bảo hiểm tập trung vào 09 trụ cột, bao gồm: sản phẩm, giá bán, con người, hệ thống bán hàng, dịch vụ bán hàng, chính sách bán hàng, quản lý rủi ro bán hàng, công nghệ và Marketing & truyền thông, cụ thể:

Về sản phẩm: Hoàn thiện hệ thống sản phẩm, đặc biệt tập trung vào các sản phẩm cá nhân.

Về giá bán: xây dựng biểu phí mới cho nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới dựa trên biểu phí thuần theo Thông tư 50/2017/TT-BTC. Đối với các nghiệp vụ khác, Bảo Long căn cứ theo tình hình thị trường và chất lượng quản lý rủi ro để điều chỉnh linh hoạt.

Về con người: nâng cao mức độ quản lý của Bảo Long đối với đội ngũ nhân sự tại các Đơn vị thành viên, đồng thời triển khai các khóa đạo tạo kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý bên cạnh công tác đào tạo nghiệp vụ thuần túy.

Về hệ thống bán hàng: ngoài phát triển kênh bán hàng truyền thống, các kênh bán hàng mới đã được thiết lập và bước đầu đem lại doanh thu trong năm 2017. Doanh thu qua các kênh phân phối đã được phân tích Nhóm 1-bán hàng.

Về dịch vụ bán hàng: xây dựng các tài liệu bán hàng, hồ sơ đấu thầu, profile doanh nghiệp.

Về chính sách bán hàng: tiếp tục hoàn thiện công tác xây dựng định hướng chính sách bán hàng cụ thể trong dài hạn, ngắn hạn và từng giai đoạn, theo từng sản phẩm, kênh phân phối; chính sách phối hợp trong toàn hệ thống đối với việc bán hàng và ứng xử với Khách hàng, đối tác, nhà cung cấp.

Về quản lý rủi ro bán hàng: hoàn thiện các khung quản lý rủi ro nhằm đảm bảo không bị thất thoát phí bảo hiểm, ấn chỉ.

Về công nghệ: triển khai thành công các dự án: đào tạo trực tuyến E-learning, ứng dụng phân hệ giám định bồi thường online trên Mobile, website bán hàng online, phần mềm luân chuyển thông tin, MIS…

Về Marketing và truyền thông: thực hiện các hoạt động marketing và truyền thông nhằm hỗ trợ trong việc xây dựng, định hướng chiến lược kinh doanh, định hướng thị trường và truyền thông thông suốt trong toàn hệ thống từ nội bộ công ty đến bên ngoài thị trường.

trong toàn hệ thống, nâng cao chất lượng phục vụ và kiểm soát tỷ lệ bồi thường.

Về chăm sóc Khách hàng, Trung tâm Chăm sóc Khách hàng hoạt động 24/24 và là đầu mối ghi nhận thông báo tai nạn vào hệ thống, mở hồ sơ bồi thường, đồng thời là nơi tiếp nhận các phản hồi của Khách hàng để làm cơ sở đánh giá lại chất lượng phục vụ của toàn hệ thống giám định, bồi thường.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2017 (tiếp theo)

NHÓM 6 - NHÂN SỰ

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ KÈM THEO VIỆC XÂY DỰNG CƠ CHẾ/CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC PHÙ HỢP.

Tính đến 31/12/2017, Bảo Long có 946 nhân sự, tăng 5% so với thời điểm đầu năm 2017. Trong đó, sự thay đổi ở cấp quản lý cấp trung chủ yếu nhằm hoàn thiện bộ máy quản lý tại Trụ sở chính và tại các Công ty thành viên.

Về mặt đào tạo, trong năm 2017, toàn hệ thống triển khai 89 lớp đào tạo cho 1.202 học viên, trong đó 66 lớp đào tạo nội bộ, 8 lớp đào tạo để cử tham dự bên ngoài, 2 lớp đào tạo cho đối tác bên ngoài và 9 lớp đào tạo là để cử CBNV học việc tại TSC. Đặc biệt trong năm 2017, các khóa đào tạo trực tuyến (E-learning) đã được triển khai rộng rãi trong toàn hệ thống với 47 lớp đào tạo cho 550 học viên.

NHÓM 7 - QUẢN LÝ RỦI RO

TẠO SỰ CHỦ ĐỘNG VÀ CÓ KIỂM SOÁT CỦA MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG ĐIỀU KIỆN TĂNG TRƯỞNG DOANH THU NHANH THÔNG QUA KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO, QUY TRÌNH VÀ CÔNG CỤ QUẢN TRỊ RỦI RO PHÙ HỢP.

Trong năm 2017, Bảo Long đã ban hành các văn bản quy định, thông báo liên quan đến hướng dẫn nghiệp vụ, chấn chỉnh các sai phạm trong các hoạt động kinh doanh, nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản, tạo cơ sở chặt chẽ để thực hiện công tác quản lý rủi ro.

Nhân sự của khối Quản lý rủi ro đã được bổ sung về số lượng và tăng cường chất lượng nhân sự thông qua việc tham gia các lớp đào tạo nội bộ và bên ngoài. Trong năm, Khối Quản lý rủi ro đã thực hiện hoạt động kiểm tra tại các Đơn vị thành viên, các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính và đã có những kiến nghị phù hợp để kiểm soát rủi ro trên toàn hệ thống.

NHÓM 8 - QUẢN LÝ CHI PHÍ

ĐẢM BẢO KHÔNG THẤT THOÁT CHI PHÍ Ở MỌI KHÂU CỦA QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Để đảm bảo không thất thoát chi phí ở mọi khâu của quá trình hoạt động kinh doanh, Bảo Long đã ban hành hệ thống các quy định, quy trình trong từng khâu. Cụ thể, quy định về giám sát tài chính, quyết toán tài chính, hạn mức tạm ứng nhằm kiểm soát chi phí hoạt động tại trụ sở chính và chi phí bán hàng, khai thác bảo hiểm tại các đơn vị thành viên; quy trình giám định bồi thường, bảng giá sửa chữa nhằm kiểm soát chi phí giám định, bồi thường; quy định mua sắm tài sản, phần mềm quản lý tài sản nhằm chuẩn hóa công tác quản lý tài sản và công cụ, dụng cụ.

NHÓM 9 - THÔNG TIN QUẢN TRỊ

ĐẢM BẢO SỰ KỊP THỜI, THÔNG SUỐT VÀ CHÍNH XÁC CỦA THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH.

Dự án MIS đang được triển khai và một số nội dung quan trọng đã thực hiện như sau:

- Triển khai mô hình nhập liệu tập trung trong toàn hệ thống nhằm chuẩn hóa công tác nhập liệu vào hệ thống phần mềm và quản lý nghiệp vụ theo ngành dọc. Theo đó, năm 2017, Bảo Long đã hoàn tất công tác đào tạo, ban hành hướng dẫn, chuẩn bị nhân sự cho mô hình nhập liệu tập trung;
- Hoàn tất việc tạo mới/bổ sung các trường dữ liệu nhằm hoàn thiện các trường thông tin, tạo nền tảng để phát triển hệ thống báo cáo quản trị;
- Triển khai xây dựng hệ thống Báo cáo Dashboard phục vụ công tác phân tích hoạt động kinh doanh đa chiều một cách chính xác, kịp thời.

NHÓM 10 - NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

TIẾP TỤC NÂNG CAO VỐN ĐIỀU LỆ ĐỂ THEO KỊP VÀ ĐÓN ĐẦU NHỮNG CƠ HỘI/THÁCH THỨC CỦA THỊ TRƯỜNG.

Ngày 07 tháng 04 năm 2017, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép kinh doanh điều chỉnh vốn điều lệ Bảo Long tăng lên 600 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Với những kết quả đạt được trong năm 2017, Bảo Long đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

≈1000

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2017

50%

NHÂN VIÊN CÓ KINH NGHIỆM BẢO HIỂM TRÊN 10 NĂM

95%

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC

<35

ĐỘ TUỔI TRUNG BÌNH
NHÂN VIÊN CỦA BẢO LONG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC 5
NGÀY/TUẦN, 40 GIỜ/TUẦN

"CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ"

≈1.000 NGƯỜI
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ
NĂM 2017 ĐẠT 107%
SO VỚI NĂM 2016

Bảo Long là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. Với hơn 22 năm hoạt động, Bảo Long dần trở thành thương hiệu được tín nhiệm trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Yếu tố cốt lõi góp phần quan trọng trong sự thành công của Bảo Long đó chính là Nguồn nhân lực. "Con người là tài sản vô giá" - nhận thức được điều này, Bảo Long cam kết xây dựng các chính sách nhân sự và chế độ tối ưu cho CBNV phù hợp theo Quy định của Pháp luật, đảm bảo cho Người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với Bảo Long.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Môi trường làm việc là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lao động của CBNV. Vì vậy, Bảo Long luôn cố gắng xây dựng và hướng đến một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động nhưng cũng vô cùng thân thiện và gắn bó.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO

Bảo Long luôn thể hiện sự trân trọng đối với ứng viên, đặc biệt là đối với các ứng viên có kinh nghiệm làm việc trong ngành Bảo hiểm Phi nhân thọ. Vì vậy Bảo Long luôn có những chế độ, chính sách riêng để thu hút các đối tượng trên gia nhập vào đội ngũ nhân sự tại Bảo Long, góp phần vào sự phát triển toàn diện của Bảo Long.

Bảo Long luôn tạo điều kiện để tất cả CBNV, nhất là những nhân sự có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc có cơ hội thăng tiến công bằng trong công việc thông qua các kỳ thi tuyển dụng nội bộ hoặc quy hoạch nhân sự. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ có năng lực, bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện của Bảo Long. Ngay khi bắt đầu làm việc tại Bảo Long, CBNV sẽ được định hướng phát triển phù hợp với sự nghiệp của mình và phấn đấu vươn lên các vị trí cấp cao.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, trang bị bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, kết hôn,...

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM

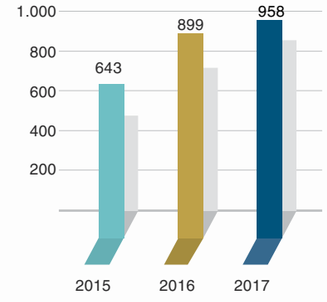

Bên cạnh đó, Bảo Long luôn quan tâm và coi trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách đào tạo trong nước và nước ngoài dành cho CBNV, trong đó chú trọng việc đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng nhằm tạo điều kiện cho CBNV luôn cập nhật những kiến thức mới để phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Bảo Long còn có các chế độ hỗ trợ học phí (tùy các trường hợp cụ thể) và tạo điều kiện cho CBNV tự học để nâng cao trình độ.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA BẢO LONG GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 TẬP TRUNG VÀO 8 ƯU TIÊN

TRÊN CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VỊ THẾ HIỆN TẠI CỦA BẢO LONG THEO NHIỀU KHÍA CẠNH VÀ ĐÁNH GIÁ NHỮNG CƠ HỘI, THÁCH THỨC CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐEM LẠI, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA BẢO LONG TRONG GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 PHẢI ĐẢM BẢO PHÁT HUY ĐƯỢC NHỮNG THẾ MẠNH, TẬN DỤNG ĐƯỢC NHỮNG CƠ HỘI VÀ KHẮC PHỤC ĐƯỢC NHỮNG ĐIỂM YẾU NỘI TẠI ĐỂ ĐỦ TIỀM LỰC TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN BỨT PHÁ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO.

1. **SẢN PHẨM** — Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng
2. **KÊNH PHÂN PHỐI** — Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần
3. **CÔNG NGHỆ** — Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống
4. **NĂNG LỰC TÀI CHÍNH** — Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản
5. **NGUỒN NHÂN LỰC** — Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên
6. **THƯƠNG HIỆU** — Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam
7. **QUY TRÌNH KINH DOANH** — Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ
8. **QUẢN LÝ RỦI RO** — Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA BẢO LONG
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 TẬP TRUNG VÀO 8 ƯU TIÊN (tiếp theo)

SẢN PHẨM

Với sự thay đổi nhanh chóng về hành vi và nhận thức tiêu dùng, cũng như thu nhập bình quân và mặt bằng chất lượng cuộc sống, nhu cầu về sản phẩm bảo hiểm của Khách hàng sẽ càng ngày càng đa dạng và phức tạp. Các sản phẩm đại trà dần bị thay thế bởi các sản phẩm phù hợp với nhu cầu riêng có của từng đối tượng Khách hàng, các sản phẩm riêng lẻ sẽ bị thay thế bởi các sản phẩm trọn gói. Các sản phẩm bảo hiểm cho những rủi ro mới sẽ được phát triển như là hệ quả tất yếu của sự phát triển xã hội.

Theo xu hướng nói trên, hệ thống sản phẩm của Bảo Long được tập trung phát triển để ngày càng đa dạng và ưu việt hơn, kịp thời nắm bắt và đáp ứng được nhu cầu của Khách hàng.

KÊNH PHÂN PHỐI

Cùng với sự phát triển của sản phẩm, phương thức phân phối sản phẩm cũng thay đổi và là yếu tố then chốt để đảm bảo sự tăng trưởng doanh số của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Trong giai đoạn tới, Bảo Long sẽ mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm của mình để làm động lực cho tăng trưởng doanh số và thị phần. Bên cạnh những kênh phân phối truyền thống như kênh đại lý, kênh môi giới, Bảo Long sẽ tập trung vào các kênh phân phối mới như kênh Bancassurance, Online, Mobilassurance,… tận dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin vào phát triển kinh doanh.

CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

Những tiến bộ vượt bậc của khoa học công nghệ đang tạo ra những xu hướng mới và là cơ hội để các doanh nghiệp có quy mô còn hạn chế nhưng linh hoạt có thể thay đổi cục diện thị trường không chỉ trong lĩnh vực bảo hiểm mà trong mọi ngành nghề kinh doanh. Trong xu thế đó, Bảo Long sẽ đẩy mạnh việc áp dụng những tiến bộ của công nghệ vào hoạt động kinh doanh để tạo ra sức bật và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống vượt lên các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Trong bối cảnh rủi ro danh mục gia tăng, các sự kiện mang tính thảm họa có tần suất ngày càng tăng và phạm vi ảnh hưởng ngày càng rộng, để đảm bảo khả năng thanh khoản và sự hoạt động liên tục, yêu cầu nâng cao năng lực tài chính sẽ là yêu cầu tự thân của mỗi doanh nghiệp cũng như là yêu cầu bắt buộc từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

Tiềm lực tài chính vững mạnh cũng là điều kiện cần để Bảo Long gia tăng lợi thế cạnh tranh và nâng cao vị thế trên thị trường. Trong giai đoạn 2018 – 2023, Bảo Long sẽ tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính, cũng như có thêm nhân tố mới tạo động lực cho đà phát triển của Bảo Long, tiếp tục nâng cao uy tín thương hiệu, đồng thời gia tăng hiệu quả trong quản trị điều hành.

NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản, là nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Trong giai đoạn tới, Bảo Long sẽ chú trọng đầu tư nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên với mục tiêu tạo nên một bản sắc văn hóa riêng biệt của Bảo Long.

THƯƠNG HIỆU

Thương hiệu tốt là nền tảng cốt lõi để tạo nên giá trị một doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thương hiệu mạnh hơn sẽ có hiệu quả hoạt động tốt hơn, khả năng cạnh tranh cao hơn.

Bảo Long đang đẩy mạnh nâng cao hơn nữa mức độ nhận diện thương hiệu của mình trên thị trường. Việc tăng uy tín thương hiệu của Bảo Long sẽ góp phần tạo động lực cho việc phát triển kinh doanh.

QUY TRÌNH KINH DOANH

Các quy trình kinh doanh nếu không được cải tiến kịp thời sẽ tạo ra các rào cản vô hình không cần thiết, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh chung của Bảo Long.

Nhu cầu được phục vụ một cách nhanh gọn và kịp thời của người tiêu dùng là cốt lõi của việc nâng cao chất lượng dịch vụ, do đó việc cải tiến quy trình kinh doanh là ưu tiên hàng đầu của Bảo Long trong thời gian tới, nhằm giúp tăng hiệu quả năng suất lao động, từ đó cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.

QUẢN LÝ RỦI RO

Trong điều kiện tăng trưởng nhanh và môi trường kinh doanh gia tăng ngày càng rủi ro, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro là yêu cầu cấp bách trong thời gian tới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ cho mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

Bảo Long sẽ chú trọng rà soát, củng cố năng lực hoạt động của toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro,… để tạo nền tảng bứt phá trong các năm tiếp theo.

LAN TỎA
NIỀM TIN,

ĐỒNG HÀNH SẺ CHIA

Bảo Long là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ luôn mong muốn mang đến sự đồng hành và sự an tâm cho Khách hàng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho cộng đồng và xã hội.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp nói chung và Bảo Long nói riêng thì ba yếu tố quyết định sự phát triển của doanh nghiệp là nâng cao năng lực hoạt động, đóng góp xã hội - cộng đồng và bảo vệ môi trường. Trong những yếu tố đó thì quản trị doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi.

Nhận biết được tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp, trong thời gian vừa qua Bảo Long đã rà soát và ban hành mô hình tổ chức mới trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ich của cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, người lao động và cộng đồng.

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật.

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử CBNV tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư dựa trên niềm tin, uy tín đảm bảo tối đa giá trị và lợi ích.

Năm 2017 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với nhà đầu tư, cổ đông:

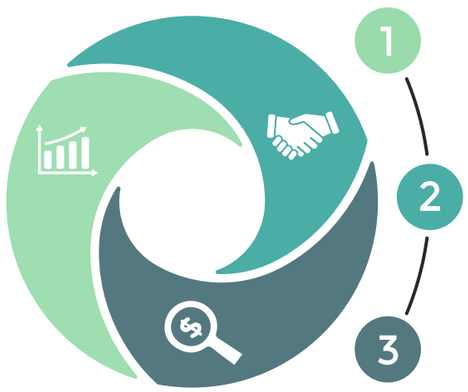

PHÁT TRIỂN HIỆU QUẢ, GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

- Thực hiện quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị cổ đông

TẠO DỰNG KÊNH TRUYỀN THÔNG, ĐỐI THOẠI MỞ

Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho nhà đầu tư, cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng...Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho nhà đầu tư, cổ đông.

MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các nhà đầu tư, cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Với phương châm "Đồng hành, đồng chia sẻ" Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các Khách hàng.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như kênh qua Bancasurance, Ban Môi giới, Mobilassurance...Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/24.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Trong thời gian qua, Bảo Long đã thành lập Ban dự án Triển khai Hệ thống giám định theo ngành dọc. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

"Con người là tài sản vô giá" , Bảo Long cam kết luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh nâng cao năng lực của từng cá nhân.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với Bảo Long, "con người là tài sản vô giá." Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng phúc lợi cho người lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.

200 TRIỆU VNĐ

TỔNG GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2017

Bảo Long luôn chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh; tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo. Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trao dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm. Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước. Trong năm 2017, Bảo Long đã tham gia, đóng góp nhiều hoạt động vì cộng đồng khác.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nên hoạt động kinh doanh của Bảo Long đều thân thiện với môi trường. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động Bảo Long luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Bảo Long không ngừng đánh giá chất lượng môi trường làm việc và vận dụng nhiều ý tưởng mới nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải, giảm lượng giấy in tài liệu. Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC XANH – SẠCH – ĐẸP

Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc, sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

TỰ TIN VƯƠN XA

Bảo Long đã có những thành quả kinh doanh tích cực trong những năm vừa qua nhờ đường lối lãnh đạo đúng đắn của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết của tất cả Cán bộ nhân viên.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có bốn mươi sáu (46) Công ty thành viên đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Hồi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
		Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo này gồm:.

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Bà Lưu Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Hồ Quang Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2017
Bà Phạm Minh Châm	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2011
		Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phan Quốc Dũng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán của Công ty.

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành

Ông **Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60948250/19288773

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 71 đến trang 120, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Số tham chiếu: 60948250/19288773

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Trần Đặng Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3222-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2018

B01 - DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.336.150.174.952**	**1.149.461.989.675**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**4**	**96.997.579.518**	**66.327.934.367**
111	1. Tiền		91.997.579.518	66.327.934.367
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**5**	**767.925.704.807**	**701.056.807.045**
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	71.678.133.711	79.588.209.303
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(9.752.428.904)	(14.531.402.258)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		706.000.000.000	636.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**257.337.941.866**	**205.479.830.089**
131	1. Phải thu của Khách hàng		173.835.534.316	150.371.937.793
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6	173.835.534.316	150.371.937.793
136	2. Các khoản phải thu khác	7	92.202.490.740	69.897.724.890
137	3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	6,7	(8.700.083.190)	(14.789.832.594)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**487.395.820**	**429.552.245**
141	1. Hàng tồn kho		487.395.820	429.552.245
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**45.786.300.773**	**47.197.518.110**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		35.037.499.688	34.265.470.454
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8	34.340.625.737	33.237.139.508
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		696.873.951	1.028.330.946
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.807.003.279	1.215.489.344
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	5.941.797.806	11.716.558.312
190	**VI. Tài sản tái bảo hiểm**	**16.1**	**167.615.252.168**	**128.970.347.819**
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		53.713.596.683	64.017.363.654
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm tái bảo hiểm		113.901.655.485	64.952.984.165

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**325.877.592.803**	**280.178.646.433**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**	**4**	**12.000.000.000**	**10.000.000.000**
218	1. Phải thu dài hạn khác		12.000.000.000	10.000.000.000
218.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		2.000.000.000	10.000.000.000
220	**II. Tài sản cố định**	**5**	**27.600.624.219**	**32.068.902.169**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.1	17.570.499.852	21.452.009.764
222	Nguyên giá	5.1	38.905.502.260	46.102.911.739
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.335.002.408)	(24.650.901.975)
227	2. Tài sản cố định vô hình		10.030.124.367	10.233.817.859
228	Nguyên giá		15.914.259.277	15.156.419.277
229	Giá trị khấu hao lũy kế	6	(5.884.134.910)	(4.922.601.418)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	-	383.074.546
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**6, 7**	**272.017.500.000**	**227.000.000.000**
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		273.520.500.000	228.503.000.000
255.1	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**14.259.468.584**	**11.109.744.264**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.275.269.791	3.820.112.624
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8	4.542.815.807	5.608.152.967
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.441.382.986	1.681.478.673
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.662.027.767.755**	**1.429.640.636.108**

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.016.150.005.959**	**884.989.339.709**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.013.318.894.584**	**882.137.973.334**
311	1. Phải trả người bán		112.626.659.426	118.804.781.494
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12	112.626.659.426	118.804.781.494
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.807.778.583	9.498.543.486
314	3. Phải trả người lao động		19.229.749.283	23.056.447.417
315	4. Chi phí phải trả		9.792.314.284	2.161.670.101
318	5. Các khoản phải trả khác	14	38.843.085.321	30.765.429.278
319	6. Doanh thu chưa thực hiện		5.056.677.825	4.742.931.839
319.1	7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	15	15.855.160.122	16.746.790.243
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16	801.107.469.740	676.361.379.476
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	438.710.085.335	395.800.761.928
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	311.883.894.722	238.065.614.410
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.2	50.513.489.683	42.495.003.138
330	**II. Nợ dài hạn**		**2.831.111.375**	**2.851.366.375**
333	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.000.000	20.000.000
342	1. Nhận ký quỹ dài hạn		2.801.111.375	2.831.366.375
400	2. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc		645.877.761.796	544.651.296.399
410	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**645.877.761.796**	**544.651.296.399**
411	**I. Vốn chủ sở hữu**	**17**	**600.000.000.000**	**500.000.000.000**
412	1. Vốn cổ phần		(415.994.845)	(41.994.845)
414	2. Thặng dư vốn cổ phần		(5.260.000)	-
419	3. Cổ phiếu quỹ		13.907.192.238	12.807.171.740
420	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		1.200.000.000	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.191.824.403	31.886.119.504
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.662.027.767.755**	**1.429.640.636.108**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Ông Châu Tuấn	**Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga**	**Ông Phan Quốc Dũng**
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
10	**1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**792.021.820.621**	**604.672.913.736**
12	**2.Doanh thu hoạt động tài chính**	**4**	**103.885.112.189**	**89.922.431.381**
13	**3.Thu nhập khác**		5.460.816.704	1.617.749.708
20	**4.Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		(649.151.391.856)	(486.674.352.814)
22	**5.Chi phí hoạt động tài chính**	**5**	**(9.480.991.719)**	**(13.557.710.726)**
23	**6.Chi phí quản lý doanh nghiệp**	5.1	(211.679.137.744)	(179.401.099.811)
24	**7. Chi phí khác**	5.1	(2.185.525.460)	(1.319.793.617)
50	**8.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		28.870.702.735	15.260.137.857
51	**9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**		(5.804.955.606)	(2.050.200.775)
52	**10.Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		(1.065.337.160)	(1.206.469.958)
60	**11.Lợi nhuận sau thuế TNDN**	6	22.000.409.969	12.003.467.124
70	**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	7	343	240

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm na	Năm trước
01	**1. Doanh thu phí bảo hiểm**	**19**	**907.904.905.674**	**696.689.701.000**
	Trong đó:			
01.1	Phí bảo hiểm gốc		892.990.614.957	764.642.146.562
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm		57.823.614.124	39.112.361.689
01.3	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(42.909.323.407)	(107.064.807.251)
02	**2. Phí nhượng tái bảo hiểm**		**(159.269.341.848)**	**(126.577.457.442)**
	Trong đó:			
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20	(148.965.574.877)	(134.093.486.056)
02.2	(Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16.1	(10.303.766.971)	7.516.028.614
03	**3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần**		**748.635.563.826**	**570.112.243.558**
04	**4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**43.386.256.795**	**34.560.670.178**
	Trong đó:			
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	15	43.243.650.641	34.541.809.745
	- Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm	15	42.352.020.520	34.880.493.659
	- Giảm/(tăng) doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng		891.630.121	(338.683.914)
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		142.606.154	18.860.433
10	**5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**792.021.820.621**	**604.672.913.736**
11	**6. Chi bồi thường**	**21**	**(349.201.235.728)**	**(244.480.944.317)**
	Trong đó:			
11.1	Tổng chi bồi thường		(355.906.401.737)	(248.167.874.390)
11.2	Các khoản giảm trừ		6.705.166.009	3.686.930.073
12	**7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**21**	**39.493.643.572**	**33.609.915.310**
13	**8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**	**16.1**	**(73.818.280.312)**	**(7.765.538.520)**
14	**9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**16.1**	**48.948.671.320**	**(20.318.132.495)**
15	**10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm**	**21**	**(334.577.201.148)**	**(238.954.700.022)**
16	**11. Tăng dự phòng dao động lớn**	**16.2**	**(8.018.486.545)**	**(6.696.610.221)**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
17	**12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**(306.555.704.163)**	**(241.023.042.571)**
	Trong đó			
17.1	Chi hoa hồng	8	(81.465.900.654)	(62.424.552.648)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22	(225.089.803.509)	(178.598.489.923)
18	**13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**(649.151.391.856)**	**(486.674.352.814)**
19	**14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**142.870.428.765**	**117.998.560.922**
23	**15. Doanh thu hoạt động tài chính**	**23**	**103.885.112.189**	**89.922.431.381**
24	**16. Chi phí hoạt động tài chính**	**24**	**(9.480.991.719)**	**(13.557.710.726)**
25	**17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính**		**94.404.120.470**	**76.364.720.655**
26	**18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**	**(211.679.137.744)**	**(179.401.099.811)**
30	**19. Lãi thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**25.595.411.491**	**14.962.181.766**
31	**20. Thu nhập khác**		**5.460.816.704**	**1.617.749.708**
32	**21. Chi phí khác**		**(2.185.525.460)**	**(1.319.793.617)**
40	**22. Lợi nhuận khác**	**26**	**3.275.291.244**	**297.956.091**
50	**23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.870.702.735**	**15.260.137.857**
51	**24. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**27**	**(5.804.955.606)**	**(2.050.200.775)**
52	**25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**27**	**(1.065.337.160)**	**(1.206.469.958)**
60	**26. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**22.000.409.969**	**12.003.467.124**
70	**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**30**	**343**	**240**

Ông Châu Tuấn
Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Tiền thu phí và hoa hồng**		**845.234.910.999**	**704.221.692.373**
03	2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi		**46.198.809.581**	**37.296.845.383**
04	3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác		122.417.963.474	146.956.898.470
05	4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm		(355.906.401.737)	(248.206.673.899)
06	5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm		(306.555.704.163)	(82.506.312.563)
07	6. Trả tiền cho người bán và cung cấp dịch vụ		(95.866.663.050)	(78.714.901.326)
08	7. Trả tiền cho công nhân viên		(114.845.413.472)	(18.391.371.422)
09	8. Thuế TNDN đã nộp	13	(30.195.100)	(200.669.636.042)
10	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(163.938.957.722)	(163.938.957.722)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(23.291.651.190)**	**18.963.498.403**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền mua tài sản cố định		(663.792.727)	(1.040.094.319)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	26	4.027.363.635	1.553.891.036
23	3. Tiền chi cho các khoản đầu tư		(682.658.584.692)	(350.987.930.292)
24	4. Tiền thu từ các khoản đầu tư		585.910.075.592	178.737.068.975
27	5. Lãi đầu tư nhận được		67.458.730.126	58.083.008.872
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(25.926.208.066)**	**(113.654.055.728)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ góp vốn	17	88.000.000.000	-
36	2. Tiền trả cổ tức	18	(8.155.915.782)	(346.817.675)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**79.844.084.218**	**(346.817.675)**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4	30.626.224.962	(95.037.375.000)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		66.327.934.367	161.360.663.318
61	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	4	43.420.189	4.646.049
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		96.997.579.518	66.327.934.367

Ông Châu Tuấn
Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có bốn mươi sáu (46) chi nhánh đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 956 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 969 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ Khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Tài sản thuê

Việc xác định một hợp đồng là, hoặc bao gồm, một khoản đi thuê được dựa trên bản chất của hợp đồng tại ngày hiệu lực và đòi hỏi phải đánh giá xem việc thực hiện hợp đồng có phụ thuộc vào việc sử dụng các tài sản cụ thể và hợp đồng có chuyển giao quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại thành thuê tài chính nếu như các điều kiện cho thuê là về bản chất chuyển giao hết tất cả rủi ro và lợi nhuận của việc sở hữu tài sản cho người đi thuê. Những khoản thuê khác được phân loại thành cho thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

3.9.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên mười hai (12) tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết, không niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí hoạt động tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Ngoại trừ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ, tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm mua, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá. Lãi dự thu của chứng khoán (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên các tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên lãi suất danh nghĩa.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xem xét về khả năng giảm giá tại ngày báo cáo. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá thị trường.

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Công ty phù hợp với Thông tư 228 và Thông tư 89. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đối với các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) Công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định Khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 50"), Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Bộ Tài chính ("Công văn 792") về việc xác nhận việc đăng ký trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

a. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ❖ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và

- ❖ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Theo Công văn 792, dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ và mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm. Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% trên tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:

(i) Dự phòng toán học:

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

- ❖ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/8). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- ❖ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp tính theo từng ngày). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn dưới một (1) năm và được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ❖ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo):

(iii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Theo Công văn 792, dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập mỗi năm với mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo Nghị định 73.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên. Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 8 năm 2015, các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động và tổng số chi không quá một (1) tháng lương bình quân thực hiện trong năm tính thuế đều được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Do đó từ năm 2015 trở đi, Công ty không thực hiện việc trích lập quỹ phúc lợi dựa trên lợi nhuận sau thuế. Các khoản chi này sẽ được hạch toán trực tiếp vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

(1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc

(2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc

(3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Công ty.

3.16 Ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho Khách hàng theo đề nghị của Khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong "Phải thu khác" trên bảng cân đối kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (tiếp theo)

(ii) Chi hoa hồng

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ kế toán năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 50. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi Công ty nhận được các bảng thanh toán từ các Công ty nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Công ty đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ Công ty nhượng tái bảo hiểm;

- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ Công ty nhượng tái bảo hiểm; và

- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ Công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ❖ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ❖ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu Khách hàng và phải thu khác, kí quỹ bảo hiểm và các khoản kí quỹ khác, tài sản tái bảo hiểm và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, phải trả cổ tức, dự phòng bồi thường và chi phí trích trước.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	6.699.002.152	6.998.972.618
Tiền gửi ngân hàng	85.298.577.366	59.328.961.749
- Bằng VND	74.593.679.750	58.721.896.822
- Bằng Đô la Mỹ	10.704.897.616	607.064.927
Tương đương tiền	5.000.000.000	-
	96.997.579.518	66.327.934.367

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh		
(Thuyết minh 5.1)		
Cổ phiếu niêm yết	46.925.695.211	51.835.770.803
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	4.826.441.000
Chứng khoán quỹ mở	19.925.997.500	22.925.997.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.752.428.904)	(14.531.402.258)
	61.925.704.807	**65.056.807.045**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Ngắn hạn		
- Tiền gửi (i)	626.000.000.000	516.000.000.000
- Trái phiếu (iii)	80.000.000.000	120.000.000.000
	706.000.000.000	**636.000.000.000**
Dài hạn		
- Tiền gửi (ii)	131.000.000.000	186.000.000.000
- Trái phiếu	71.520.500.000	1.503.000.000
- Ủy thác đầu tư (iv)	30.000.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác (v)	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi (vi)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	272.017.500.000	**227.000.000.000**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính	**1.039.943.204.807**	**928.056.807.045**

(i) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 6,50% - 11,00%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng dài hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 6,65% - 11,50%.

(iii) Các trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn còn lại từ dưới một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 11,00%/năm đến 13,00%/năm.

(iv) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam cho mục đích thực hiện việc quản lý và đầu tư vốn theo chiến lược đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, danh mục đầu tư đã thực hiện bao gồm:

VND

	Số lượng	Giá giao dịch	Tổng giá trị giao dịch
CP NH TMCP Kỹ Thương VN	100.000	58.000	5.800.000.000
CP Cty CP Tôn Đông Á	150.000	34.000	5.100.000.000
CP NH TMCP Phát Triển TPHMC	168.000	32.000	5.376.000.000
CP NH TMCP Kỹ Thương VN	50.000	60.000	3.000.000.000
	468.000		**19.276.000.000**

(v) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 8 tháng 12 năm 2011 cho mục đích triển khai dự án xây dựng được đảm bảo bằng một bất động sản. Ban Điều hành của Công ty đánh giá và tin tưởng khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ trong tương lai.

(vi) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin – Quỹ đầu tư PVF1.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.1 *Chứng khoán kinh doanh*

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	**2.160.160**	**46.925.695.211**	**(5.592.669.615)**	**2.426.298**	**51.835.770.803**	**(9.841.120.505)**
SSN	286.700	6.183.712.619	(535.722.619)	3.600	65.062.776	-
PXI	688.920	5.606.882.561	(3.884.582.561)	741.920	6.044.195.847	(3.343.607.047)
BMP	91.500	7.291.495.849	-	-	-	-
GTN	400.000	6.800.000.000	(320.000.000)	-	-	-
NTP	89.500	6.425.810.195	(160.810.195)	-	-	-
SVC	80.100	4.092.732.000	(103.752.000)	-	-	-
Khác	523.440	10.525.061.987	(587.802.240)	1.680.778	45.726.512.180	(6.497.513.458)
Cổ phiếu chưa niêm yết	**262.758**	**4.826.441.000**	**(4.159.759.289)**	**262.758**	**4.826.441.000**	**(4.086.250.737)**
Công ty cổ phần cà phê Petec	43.800	444.000.000	(444.000.000)	43.800	444.000.000	(444.000.000)
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	19.607	196.070.000	(196.070.000)	19.607	196.070.000	(196.070.000)
Công ty cổ phần Petec	199.351	4.186.371.000	(3.519.689.289)	199.351	4.186.371.000	(3.446.180.737)
Chứng chỉ quỹ mở	**1.558.950**	**19.925.997.500**	**- 19.925.997.500**	**1.793.563**	**22.925.997.500**	**(604.031.016)**
VFMVF4	1.558.950	19.925.997.500	- 19.925.997.500	1.558.950	19.925.997.500	(400.148.750)
VNW	-	-	-	234.613	3.000.000.000	(203.882.266)
	3.981.868	**71.678.133.711**	**(9.752.428.904)**	**4.482.619**	**79.588.209.303**	**(14.531.402.258)**

	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
Cổ phiếu niêm yết	**41.333.025.596**	**41.994.650.298**
SSN	5.647.990.000	65.062.776
PXI	1.722.300.000	2.700.588.800
BMP	7.291.495.849	-
GTN	6.480.000.000	-
NTP	6.265.000.000	-
SVC	3.988.980.000	-
Khác	9.937.259.747	39.228.998.722
Cổ phiếu chưa niêm yết	**666.681.711**	**740.190.263**
Công ty cổ phần cà phê Petec	-	-
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	-	-
Công ty cổ phần Petec	666.681.711	740.190.263
Chứng chỉ quỹ mở	**19.925.997.500**	**22.321.966.484**
VFMVF4	19.925.997.500	19.525.848.750
VNW	-	2.796.117.734
	61.925.704.807	**65.056.807.045**

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	84.448.711.229	77.648.780.300
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	41.165.493.108	43.556.743.156
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	36.915.743.857	24.945.259.163
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	11.209.351.745	4.124.920.797
Phải thu khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm	96.234.377	96.234.377
	173.835.534.316	150.371.937.793
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(6.922.899.649)	(14.401.206.160)
Giá trị thuần của phải thu về hợp đồng bảo hiểm	166.912.634.667	135.970.731.633

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng bồi thường	32.970.167.344	15.007.577.717
Tiền lãi dự thu	38.177.918.426	25.539.745.733
Tạm ứng chi phí kinh doanh	14.648.682.522	12.705.416.303
Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2)	1.234.844.950	12.337.366.150
Phải thu thù lao HĐQT	1.856.195.035	1.818.845.340
Tạm ứng chi phí phát hành cổ phiếu	-	299.200.000
Các khoản phải thu khác	3.314.682.463	2.189.573.647
	92.202.490.740	**69.897.724.890**
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.777.183.541)	(388.626.434)
Giá trị thuần của các khoản phải thu khác	**90.425.307.199**	**69.509.098.456**

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định tại Thông tư 232.

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	**33.237.139.508**	**28.642.972.887**
Phát sinh trong kỳ	82.569.386.883	67.018.719.269
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(81.465.900.654)	(62.424.552.648)
Số dư cuối kỳ	**34.340.625.737**	**33.237.139.508**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	**21.567.935.706**	602.706.032	18.530.961.314	5.401.308.687	46.102.911.739
Mua mới trong năm	-	-	-	76.952.727	76.952.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.500.000)	(7.072.609.013)	(166.253.193)	(7.274.362.206)
Số cuối năm	21.567.935.706	567.206.032	11.458.352.301	5.312.008.221	38.905.502.260
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	525.016.832	2.335.107.754	4.195.635.538	7.055.760.124
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	8.532.497.161	576.923.740	10.855.305.450	4.686.175.624	24.650.901.975
Khấu hao trong năm	710.286.012	7.031.532	1.211.628.825	362.384.716	2.291.331.085
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.500.000)	(5.405.477.459)	(166.253.193)	(5.607.230.652)
Số cuối năm	9.242.783.173	548.455.272	6.661.456.816	4.882.307.147	21.335.002.408
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.035.438.545	25.782.292	7.675.655.864	715.133.063	21.452.009.764
Số cuối năm	12.325.152.533	18.750.760	4.796.895.485	429.701.074	17.570.499.852

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm cuối kỳ là một căn nhà với giá trị là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Công ty không trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 14).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.443.300.000	12.713.119.277	15.156.419.277
Mua mới trong năm	586.840.000	-	586.840.000
Tăng từ XDCBDD	171.000.000	-	171.000.000
Số cuối năm	3.201.140.000	12.713.119.277	15.914.259.277
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.179.740.012	3.742.861.406	4.922.601.418
Hao mòn trong năm	545.660.004	415.873.488	961.533.492
Số cuối năm	1.725.400.016	4.158.734.894	5.884.134.910
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.263.559.988	8.970.257.871	10.233.817.859
Số cuối năm	1.475.739.984	8.554.384.383	10.030.124.367

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm cuối kỳ là quyền sử dụng đất đi kèm với một căn nhà với giá trị là 4.470.585.373 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác như được trình bày trong Thuyết minh số 14.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ và dụng cụ	2.170.624.602	2.154.795.380
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.225.951.814	1.453.819.581
Khác	878.693.375	211.497.663
	7.275.269.791	3.820.112.624

12. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	73.223.468.218	89.250.624.961
Phải trả nhận tái bảo hiểm	13.164.713.233	13.160.880.859
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	14.274.770.095	7.624.236.794
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	8.756.055.346	6.063.061.477
Phải trả đồng bảo hiểm	1.947.703.513	889.316.599
Phải trả khác liên quan tới hoạt động bảo hiểm	1.259.949.021	1.816.660.804
	112.626.659.426	118.804.781.494

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	7.899.469.843	41.094.253.452	(39.866.898.976)	9.126.824.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.716.558.312)	5.804.955.606	(30.195.100)	(5.941.797.806)
Số nộp thừa	*(11.716.558.312)*			
Thuế thu nhập cá nhân	1.335.016.943	6.050.614.594	(5.951.254.559)	1.434.376.978
Các loại thuế khác	264.056.700	202.359.990	(219.839.404)	246.577.286
Tổng cộng	**(2.218.014.826)**	**53.152.183.642**	**(46.068.188.039)**	**4.865.980.777**
Số phải nộp	*9.498.543.486*			*10.807.778.583*
Số nộp thừa	*(11.716.558.312)*			*(5.941.797.806)*

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (a)	10.813.077.632	8.179.053.210
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (b)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả phí tư vấn đầu tư chứng khoán	5.037.945.175	-
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 18)	3.793.125.508	3.549.096.718
Phí dịch vụ Direct Money	1.162.766.964	2.582.563.604
Phí tạm thu chờ bóc tách	1.052.455.097	1.409.755.740
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	790.947.371	509.701.808
Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	405.563.387	393.608.812
Phải trả Quỹ xe cơ giới	243.434.280	801.650.145
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	215.780.112	749.359.923
Phải trả khác	6.191.626.159	3.454.275.682
	38.843.085.321	30.765.429.278

(a) Đây là số tiền phải trả nhà tái bảo hiểm trong đó có 6.250.334.854 VND đã thu đòi bồi thường từ nhà tái bảo hiểm chủ yếu liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho Khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(b) Đây là số tiền Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nên Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 10).

15. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định Thông tư 232

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	**16.746.790.243**	**16.408.106.329**
Phát sinh trong năm	42.352.020.520	34.880.493.659
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(43.243.650.641)	(34.541.809.745)
Số cuối năm	**15.855.160.122**	**16.746.790.243**

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Dự phòng bồi thường	311.883.894.722	(113.901.655.485)	197.982.239.237	238.065.614.410	(64.952.984.165)	173.112.630.245
- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	283.359.467.848	(109.432.688.239)	173.926.779.609	213.952.979.162	(60.930.179.583)	153.022.799.579
-Dự phòng bồi thường phát sinh chưa thông báo	28.524.426.874	(4.468.967.246)	24.055.459.628	24.112.635.248	(4.022.804.582)	20.089.830.666
Dự phòng phí chưa được hưởng	438.710.085.335	(53.713.596.683)	384.996.488.652	395.800.761.928	(64.017.363.654)	331.783.398.274
	750.593.980.057	(167.615.252.168)	582.978.727.889	633.866.376.338	(128.970.347.819)	504.896.028.519

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	238.065.614.410	(64.952.984.165)	173.112.630.245	230.300.075.890	(85.271.116.660)	145.028.959.230
Thay đổi dự phòng						
trong năm	73.818.280.312	(48.948.671.320)	24.869.608.992	7.765.538.520	20.318.132.495	28.083.671.015
Số cuối năm	**311.883.894.722**	**(113.901.655.485)**	**197.982.239.237**	**238.065.614.410**	**(64.952.984.165)**	**173.112.630.245**
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số đầu năm	395.800.761.928	(64.017.363.654)	331.783.398.274	288.735.954.677	(56.501.335.040)	232.234.619.637
Thay đổi dự phòng						
trong năm	42.909.323.407	10.303.766.971	53.213.090.378	107.064.807.251	(7.516.028.614)	99.548.778.637
Số cuối năm	**438.710.085.335**	**(53.713.596.683)**	**384.996.488.652**	**395.800.761.928**	**(64.017.363.654)**	**331.783.398.274**

16.2 Dự phòng dao động lớn

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.495.003.138	35.837.192.426
Trích lập thêm trong năm	8.018.486.545	6.696.610.221
Sử dụng trong năm	-	(38.799.509)
Số cuối năm	**50.513.489.683**	**42.495.003.138**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	403.614.000.000	208.005.155	-	12.206.998.384	-	20.488.067.536	436.517.071.075
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	12.003.467.124	12.003.467.124
Chi trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(5.241.800)	(5.241.800)
Tăng vốn cổ phần	96.386.000.000	-	-	-	-	-	96.386.000.000
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(250.000.000)	-	-	-	-	(250.000.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	600.173.356	-	(600.173.356)	-
Số cuối năm	**500.000.000.000**	**(41.994.845)**	**-**	**12.807.171.740**	**-**	**31.886.119.504**	**544.651.296.399**
Năm nay							
Số đầu năm	500.000.000.000	(41.994.845)	-	12.807.171.740	-	31.886.119.504	544.651.296.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	22.000.409.969	22.000.409.969
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(8.399.944.572)	(8.399.944.572)
Tăng vốn cổ phần (*)	100.000.000.000	-	-	-	-	(12.000.000.000)	88.000.000.000
Cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(5.260.000)	-	-	5.260.000	-
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(374.000.000)	-	-	-	-	(374.000.000)
Quỹ khác thuộc VCSH (***)	-	-	-	-	1.200.000.000	(1.200.000.000)	-
Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	1.100.020.498	-	(1.100.020.498)	-
Số cuối năm	**600.000.000.000**	**(415.994.845)**	**(5.260.000)**	**13.907.192.238**	**1.200.000.000**	**31.191.824.403**	**645.877.761.796**

(*) Trong năm, Công ty bổ sung vốn điều lệ thêm 100.000.000.000 đồng, bao gồm 88.000.000.000 đồng cổ phiếu phát hành mới và 12.000.000.000 cổ phiếu phát hành từ nguồn lợi nhuận giữ lại chưa phân phối để trả cổ tức cho cổ đông, theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 9805/BTC-QLBH ngày 15 tháng 7 năm 2016 và giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017.

(**) Cổ phiếu quỹ phát sinh do công ty mua lại số cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ thêm 100.000.000.000 VND như trên.

17.2 *Vốn cổ phần*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần của các cổ đông	600.000.000.000	500.000.000.000

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

VND

	Số tiền theo Giấy chứngnhận đăng ký kinh doanh		Vốn cổ phần
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	490.823.420.000	81.80%	490.823.420.000
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	39.036.510.000	6.51%	39.036.510.000
Công ty CP May - Xây dựng Huy Hoàng	6.420.480.000	1.07%	6.420.480.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	6.442.000.000	1.07%	6.442.000.000
Cổ đông khác	57.277.590.000	9.55%	57.277.590.000
	600.000.000.000	**100%**	**600.000.000.000**

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	60.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	58.800.000	50.000.000
Cổ phần phổ thông	58.800.000	50.000.000
Số lượng cổ phần dùng để chi trả cổ tức	1.200.000	-
Cổ phần phổ thông	1.200.000	-
Cổ phần phổ thông	60.000.000	50.000.000
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. CỔ TỨC

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả đầu năm	**3.549.096.718**	**3.895.914.393**
Cổ tức đã công bố trong năm (Thuyết minh 17.1)	8.399.944.572	-
Cổ tức đã trả trong năm	(8.155.915.782)	(346.817.675)
Cổ tức phải trả cuối năm	**3.793.125.508**	**3.549.096.718**

Cổ tức phải trả cuối năm là số cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán của các cổ đông không nắm quyền kiểm soát tại ngày báo cáo.

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

VND

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc (Thuyết minh số 19.1)	907.166.138.209	767.364.163.009
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(14.175.523.252)	(2.722.016.447)
	892.990.614.957	764.642.146.562
Phí nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 19.2)	57.823.614.124	39.112.361.689
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	(42.909.323.407)	(107.064.807.251)
	907.904.905.674	**696.689.701.000**

19.1 *Phí bảo hiểm gốc*

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	533.077.910.831	445.596.169.062
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	146.560.458.581	132.296.513.523
Bảo hiểm con người	103.002.354.568	61.321.270.647
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	58.460.811.454	69.083.389.267
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	33.731.742.121	41.597.974.581
Bảo hiểm tàu thuyền	17.644.381.194	14.470.861.271
Bảo hiểm thuyền viên	512.956.208	275.968.211
	892.990.614.957	**764.642.146.562**

19.2 *Phí nhận tái bảo hiểm*

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	752.746.255	404.821.649
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	50.370.986.265	31.848.262.787
Bảo hiểm con người	826.560.065	64.729.031
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	565.624.819	499.859.819
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.045.607.118	5.408.371.067
Bảo hiểm tàu thuyền	1.245.724.238	864.470.202
Bảo hiểm thuyền viên	16.365.364	21.847.134
	57.823.614.124	**39.112.361.689**

20. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	-	102.703.453
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	94.073.038.941	85.754.012.775
Bảo hiểm con người	9.571.443.768	305.121.138
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	18.160.724.605	23.140.865.814
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	22.632.102.921	20.569.442.868
Bảo hiểm tàu thuyền	4.528.264.642	4.221.340.008
	148.965.574.877	**134.093.486.056**

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường:	355.906.401.737	248.167.874.390
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (Thuyết minh số 21.1)	*331.211.278.241*	*240.578.429.678*
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 21.2)	*24.695.123.496*	*7.589.444.712*
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(6.705.166.009)	(3.686.930.073)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm *(Thuyết minh số 21.3)*	(39.493.643.572)	(33.609.915.310)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm *(Thuyết minh số 16.1)*	73.818.280.312	7.765.538.520
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm *(Thuyết minh số 16.1)*	(48.948.671.320)	20.318.132.495
	334.577.201.148	**238.954.700.022**

21.1 *Chi bồi thường bảo hiểm gốc*

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	256.009.769.123	147.885.159.352
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	31.152.529.136	48.966.759.004
Bảo hiểm con người	19.497.782.792	13.209.842.746
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	15.139.342.818	24.639.361.287
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.422.527.626	4.362.526.864
Bảo hiểm tàu thuyền	5.685.106.303	1.475.233.825
Bảo hiểm thuyền viên	13.600.000	39.546.600
	331.920.657.798	**240.578.429.678**

21.2 *Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm*

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	87.811.264	2.553.231.943
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	23.040.238.188	3.474.872.464
Bảo hiểm con người	27.253.822	-
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	195.800.188	59.969.440
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	714.266.027	313.673.759
Bảo hiểm tàu thuyền	629.754.007	1.187.697.106
	24.695.123.496	**7.589.444.712**

21.3 *Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm*

VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	-	1.847.250
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	29.166.156.960	24.059.300.476
Bảo hiểm con người	900.167.363	2.809.733
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	6.057.811.385	7.559.860.860
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.134.477.568	286.697.975
Bảo hiểm tàu thuyền	235.030.296	1.699.399.016
	39.493.643.572	**33.609.915.310**

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiếp khách	107.380.310.430	74.533.886.476
Lương và các khoản phụ cấp	57.613.373.736	51.809.489.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.120.297.214	24.823.114.438
Chi phí giám định tổn thất	11.266.767.716	8.264.610.764
Công cụ, dụng cụ	6.743.203.055	7.735.913.934
Chi phí khác	13.965.851.358	11.431.475.172
	225.089.803.509	**178.598.489.923**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi tiền gửi	63.444.947.849	50.992.666.908
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	23.491.372.224	23.750.236.295
Lãi từ đầu tư trái phiếu	14.803.818.570	13.763.313.434
Cổ tức được chia	1.848.136.400	1.162.373.580
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	296.837.146	253.841.164
	103.885.112.189	**89.922.431.381**

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	13.132.456.916	8.122.169.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá	448.474.975	611.823.509
Phí dịch vụ ngân hàng	679.033.182	364.668.864
(Hoàn nhập)/trích dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(4.778.973.354)	4.409.049.266
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	50.000.000
	9.480.991.719	**13.557.710.726**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phụ cấp	111.018.715.338	92.518.972.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.768.366.550	69.548.573.503
Công cụ, dụng cụ	10.216.852.376	7.371.433.683
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.823.336.437	1.283.289.716
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.251.531.243	3.681.818.571
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	3.426.740.386	4.719.631.723
Thuế và phí	173.595.414	277.380.297
	211.679.137.744	179.401.099.811

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**5.460.816.704**	**1.617.749.708**
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.027.363.635	1.553.891.036
Thu khác	1.433.453.069	63.858.672
Chi phí khác	**(2.185.525.460)**	**(1.319.793.617)**
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	(1.667.131.554)	(871.107.583)
Phạt vi phạm hành chính	(446.938.594)	(368.428.259)
Chi khác	(71.455.312)	(80.257.775)
Lợi nhuận khác	**3.275.291.244**	**297.956.091**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo báo cáo quyết toán thuế cuối cùng của Công ty hoặc theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.804.955.606	2.050.200.775
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.065.337.160	1.206.469.958
	6.870.292.766	**3.256.670.733**

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.870.702.735	15.260.137.857
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2016: 20%)	5.774.140.547	3.052.027.571
Các khoản điều chỉnh tăng:		
-Chi phí không được khấu trừ thuế (*)	89.387.717	23.957.521
-Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị (*)	220.004.100	120.034.671
-Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	156.387.682	293.125.686
-Lương hiệu quả năm 2016 (*)	1.000.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
-Thu nhập từ cổ tức (*)	(369.627.280)	(232.474.716)
Chi phí thuế TNDN	**6.870.292.766**	**3.256.670.733**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 *Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)*

(*) Trong đó, các khoản điều chỉnh tăng và giảm được tính bằng các số liệu dưới đây nhân với thuế suất 20%:

VND

	Năm nay
Các khoản điều chỉnh tăng:	
- Chi phí không được khấu trừ thuế	446,938,594
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.100.020.498
- Lương hiệu quả năm 2016	5.000.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm:	
-Thu nhập từ cổ tức	**(1.848.136.400)**

27.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 50	634.404.044	713.836.400	(79.432.356)	(619.485.711)
Lương hiệu quả cho nhân viên	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	179.557.589
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	831.951.858	817.250.147	14.701.711	-
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	616.247.735	454.000.035	162.247.700	(435.425.582)
Dự phòng khác	526.739.800	526.739.800	-	-
Chi phí trích trước	275.530.806	432.334.021	(156.803.215)	(117.858.671)
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	560.222.275	566.273.275	(6.051.000)	35.412.480
Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng nhà đất của năm trước chưa được ghi nhận vào thu nhập	797.119.289	797.119.289	-	-
Trích dự phòng trái phiếu Vinashin	300.600.000	300.600.000	-	-
Chi phí trả cho Direct Money	-	-	-	(248.670.063)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**4.542.815.807**	**5.608.152.967**	**(1.065.337.160)**	**(1.206.469.958)**

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Cam kết thuê hoạt động (VND)		
Dưới một (1) năm	2.262.744.412	7.654.078.170
Từ một (1) đến năm (5) năm	18.864.125.100	10.226.495.400
	21.126.869.512	**17.880.573.570**
Các khoản mục ngoại bảng khác		
Ngoại tệ (USD)	472.270	26.717
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý (VND)	8.913.085.841	-
Hợp đồng chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	44.299.666.254	43.141.802.939

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay Phải thu/(Phải trả)	Năm trước Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Công ty mẹ	Gửi tiền gửi có kỳ hạn	330.000.000.000	140.000.000.000
		Rút tiền gửi có kỳ hạn	140.000.000.000	184.000.000.000
		Thu nhập lãi tiền gửi	20.031.232.901	9.191.314.327
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Gửi tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	17.000.000.000
		Rút tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	-
		Thu nhập lãi tiền gửi	1.466.492.682	520.126.835
		Phí dịch vụ ngân hàng	36.667.510	28.142.490

Các khoản phải thu và phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016 như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả)	Số đầu năm Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	24.810.627.689	20.237.551.671
		Tiền gửi có kỳ hạn	330.000.000.000	140.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	11.804.339.600	2.593.458.333
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	3.950.068.945	5.619.078.364
		Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	17.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	751.557.833	506.417.600

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.100.020.498	600.173.356

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	5.154.000.000	7.350.000.000

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	22.000.409.969	12.003.467.124
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(1.200.000.000)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	(1.100.020.498)	(600.173.356)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.700.389.471	11.403.293.768
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (cổ phiếu)	57.397.260	47.603.517
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	343	240

31. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

31.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Công ty từ các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

31.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

31. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

31.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các Công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
	VND	VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	488.333.674.414	200.462.163.551	244%
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	403.366.951.584	167.415.255.549	241%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

31.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

31.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro.

Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những Công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các Công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết cách thức mà Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

32.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và tổng chi phí cuối cùng là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tổng chi phí bồi thường cuối cùng rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, tổng các nghĩa vụ bảo hiểm cuối cùng sẽ khác nhau do các diễn biến sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích tụ phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro.

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

32.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu, các khoản phải thu Khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

32.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với Công ty, giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá ngoại tệ và rủi ro giá cổ phiếu.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến danh mục đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 44.467.532.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 42.685.550.300 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 3.227.520.129 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: giảm 2.976.440.527 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.681.821.554 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: tăng 3.276.600.356 VND).

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa USD/VND. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là USD.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

32.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng Khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu Khách hàng) và từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu Khách hàng

Các khoản phải thu Khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng bồi thường cho Khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty quản lý rủi ro tín dụng Khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng Khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi Công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận Công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các Công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các Công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các đối tác có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.997.579.518	-	-	96.997.579.518
Các khoản đầu tư tài chính	937.017.500.000	41.000.000.000	1.503.000.000	979.520.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn	757.000.000.000	-	-	757.000.000.000
Trái phiếu (*)	150.017.500.000	-	1.503.000.000	151.520.500.000
Đầu tư khác	30.000.000.000	41.000.000.000	-	71.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	132.537.943.714	19.264.281.662	22.033.308.940	173.835.534.316
Phải thu khác	38.871.380.278	-	-	38.871.380.278
Lãi dự thu	38.177.918.426	-	-	38.177.918.426
Tài sản tái bảo hiểm	113.901.655.485	-	-	113.901.655.485
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	2.945.892.500	-	-	2.945.892.500
	1.372.449.869.921	**60.264.281.662**	**23.536.308.940**	**1.456.250.460.523**

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.327.934.367	-	-	66.327.934.367
Các khoản đầu tư tài chính	822.000.000.000	41.000.000.000	1.503.000.000	864.503.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	702.000.000.000	-	-	702.000.000.000
Trái phiếu (*)	120.000.000.000		1.503.000.000	121.503.000.000
Đầu tư khác	-	41.000.000.000	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	80.018.103.283	26.174.510.590	44.179.323.920	150.371.937.793
Phải thu khác	31.356.307.340	-	-	31.356.307.340
Lãi dự thu	25.539.745.733	-	-	25.539.745.733
Tài sản tái bảo hiểm	64.952.984.165	-	-	64.952.984.165
Ký quỹ bảo hiểm	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	1.977.734.187	-	-	1.977.734.187
	1.102.172.809.075	**67.174.510.590**	**45.682.323.920**	**1.215.029.643.585**

(*)Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tín cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

32.2.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 *Rủi ro tài chính (tiếp theo)*

32.2.3 *Rủi ro thanh khoản*

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VND

	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-3 năm	3-5 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn	Tổng
Số cuối năm							
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	-	96.997.579.518	96.997.579.518
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000	706.000.000.000	231.017.500.000	-	-	71.678.133.711	1.051.198.633.711
-Chứng khoán kinh doanh(*)	-	-	-	-	-	71.678.133.711	71.678.133.711
- Tiền gửi kỳ hạn	-	626.000.000.000	131.000.000.000	-	-	-	757.000.000.000
- Trái phiếu (*)	1.503.000.000	80.000.000.000	70.017.500.000	-	-	-	151.520.500.000
- Đầu tư khác	41.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-	-	71.000.000.000
Phải thu của Khách hàng(*)	41.297.590.602	132.537.943.714	-	-	-	-	173.835.534.316
Phải thu khác	-	38.871.380.278	-	-	-	-	38.871.380.278
Lãi dự thu	-	38.177.918.426	-	-	-	-	38.177.918.426
Tài sản tái bảo hiểm	-	113.901.655.485	-	-	-	-	113.901.655.485
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	2.945.892.500	-	-	-	-	2.945.892.500
	83.800.590.602	1.032.434.790.403	231.017.500.000	-	12.000.000.000	168.675.713.229	1.527.928.594.234
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán	-	112.626.659.426	-	-	-	-	112.626.659.426
Cổ tức phải trả	-	3.793.125.508	-	-	-	-	3.793.125.508
Dự phòng bồi thường	-	311.883.894.722	-	-	-	-	311.883.894.722
Chi phí trích trước	-	9.792.314.284	-	-	-	-	9.792.314.284
Phải trả khác	-	13.257.116.077	-	-	-	-	13.257.116.077
	-	451.353.110.017	-	-	-	-	451.353.110.017
Chênh lệch thanh khoản ròng	**83.800.590.602**	**581.081.680.386**	**231.017.500.000**	**-**	**12.000.000.000**	**168.675.713.229**	**1.076.575.484.217**

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)
32.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)
Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

VND

	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-3 năm	3-5 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn	Tổng
Số đầu năm							
Tài sản tài chính	-	-	-	-	-	66.327.934.367	66.327.934.367
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.503.000.000	516.000.000.000	306.000.000.000	-	-	79.588.209.303	944.091.209.303
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-	-	-	79.588.209.303	79.588.209.303
-Chứng khoán kinh doanh(*)	-	516.000.000.000	186.000.000.000	-	-	-	702.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn	1.503.000.000	-	120.000.000.000	-	-	-	121.503.000.000
- Trái phiếu (*)	41.000.000.000	-	-	-	-	-	41.000.000.000
- Đầu tư khác	70.353.834.510	80.018.103.283	-	-	-	-	150.371.937.793
Phải thu của khách hàng(*)	-	31.356.307.340	-	-	-	-	31.356.307.340
Phải thu khác	-	25.539.745.733	-	-	-	-	25.539.745.733
Lãi dự thu	-	64.952.984.165	-	-	-	-	64.952.984.165
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	-	1.977.734.187	-	-	-	-	1.977.734.187
Các khoản ký quỹ khác	112.856.834.510	719.844.874.708	306.000.000.000	-	10.000.000.000	145.916.143.670	1.294.617.852.888
Nợ phải trả tài chính	**-**	**118.804.781.494**	**-**	**-**	**-**	**-**	**118.804.781.494**
Phải trả người bán	-	3.549.096.718	-	-	-	-	3.549.096.718
Cổ tức phải trả	-	238.065.614.410	-	-	-	-	238.065.614.410
Dự phòng bồi thường		2.161.670.101					2.161.670.101
Chi phí trích trước	-	7.981.458.166	-	-	-	-	7.981.458.166
Phải trả khác	-	370.562.620.889	-	-	-	-	370.562.620.889
	112.856.834.510	349.282.253.819	306.000.000.000	-	10.000.000.000	145.916.143.670	924.055.231.999
Chênh lệch thanh khoản ròng	**112.856.834.510**	**349.282.253.819**	**306.000.000.000**	**-**	**10.000.000.000**	**145.916.143.670**	**924.055.231.999**

(*) Số dư của nhưng khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.
Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính
Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016:

VND

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm			Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Số đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.327.934.367	-	96.997.579.518	66.327.934.367	
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Cổ phiếu niêm yết	51.835.770.803	(9.841.120.505)	41.333.025.596	41.994.650.298	
Đầu tư sẵn sàng để bán					
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	(4.086.250.737)	666.681.711	740.190.263	
Chứng chỉ quỹ	22.925.997.500	(604.031.016)	19.925.997.500	22.321.966.484	
Trái phiếu doanh nghiệp	121.503.000.000	(1.503.000.000)	N/A	N/A	
Các khoản cho vay và phải thu	516.000.000.000	-	626.000.000.000	516.000.000.000	
Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	186.000.000.000	-	N/A	N/A	
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	41.000.000.000	-	N/A	N/A	
Các khoản đầu tư khác	150.371.937.793	(14.789.832.594)	165.135.451.126	135.582.105.199	
Phải thu Khách hàng	31.356.307.340	-	38.871.380.278	31.356.307.340	
Phải thu khác	25.539.745.733	-	38.177.918.426	25.539.745.733	
Lãi dự thu	64.952.984.165	-	113.901.655.485	64.952.984.165	
Tài sản tái bảo hiểm	10.000.000.000	-	N/A	N/A	
Ký quỹ bảo hiểm	1.977.734.187	-	N/A	N/A	
Các khoản ký quỹ khác	**1.294.617.852.888**	**(30.824.234.852)**			

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý
	Số cuối năm		
	Nguyên giá	Dự phòng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.997.579.518	-	
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Cổ phiếu niêm yết	46.925.695.211	(5.592.669.615)	
Đầu tư sẵn sàng để bán			
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	(4.159.759.289)	
Chứng chỉ quỹ	19.925.997.500	-	
Trái phiếu doanh nghiệp	151.520.500.000	(1.503.000.000)	
Các khoản cho vay và phải thu			
Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	626.000.000.000	-	
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	131.000.000.000	-	
Các khoản đầu tư khác	71.000.000.000	-	
Phải thu Khách hàng	173.835.534.316	(8.700.083.190)	
Phải thu khác	38.871.380.278	-	
Lãi dự thu	38.177.918.426	-	
Tài sản tái bảo hiểm	113.901.655.485	-	
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	
Các khoản ký quỹ khác	2.945.892.500	-	
	1.527.928.594.234	**(19.955.512.094)**	**1.29**

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của nợ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Ghi nhận theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	112.626.659.426	118.804.781.494	112.626.659.426	118.804.781.494
Phải trả cổ tức	3.793.125.508	3.549.096.718	3.793.125.508	3.549.096.718
Dự phòng bồi thường	311.883.894.722	238.065.614.410	311.883.894.722	238.065.614.410
Chi phí trích trước	9.792.314.284	2.161.670.101	9.792.314.284	2.161.670.101
Phải trả khác	13.257.116.077	7.981.458.166	13.257.116.077	7.981.458.166
	451.353.110.017	**370.562.620.889**	**451.353.110.017**	**370.562.620.889**

(N/A) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu Khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả Khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ông Châu Tuấn	**Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga**	**Ông Phan Quốc Dũng**
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Công ty Thành viên / Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
	Khu vực Duyên Hải Bắc Bộ			
1	BL Thái Nguyên	34 Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên	0208.3651115	0280.3651113
2	BL Quảng Ninh	Tầng 3-6 căn nhà, ô số 3-4 * QH đất xen kẹp NVH Khu 6A, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh	0203.3815185	0203.3815285
3	BL Phú Thọ	Tòa nhà MB, Số 1596 Hùng Vương, P. Gia Cẩm, Tp. Việt Trì, T. Phú Thọ	0210.3652999	0210.3652288
4	BL Hải Phòng	Tầng 7, Tòa Nhà CPN, 7 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	02253.686999	0313.686888
5	BL Bắc Ninh	Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, P. Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh	0222.3861666	0222.3634567
6	BL Hải Dương	167 Ngô Quyền, Phường Tân Bình, Tp. Hải Dương, T. Hải Dương	0220.3833999	
7	BL Nam Định	Tầng 5, Tòa nhà 86 Đông A - KĐTM Hòa Vượng, P. Lộc Vượng, Tp. Nam Định, T. Nam Định	0228.3511199	0228.3511199
8	BL Vĩnh Phúc	Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vĩnh Phúc, Lô S1, KĐT chùa Hà Tiên, Tp. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc	0211.6251186	0211.6251186
9	BL Đông Hải	P. 501,502 Tầng 5, Tòa nhà Thành Đạt 1, 3 Lê Thánh Tông, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	02253.816666	02253.250599
10	BL Ninh Bình	TTTM Bình An Nhiên, số 90 Lê Hồng Phong, P. Vân Giang, Tp. Ninh Bình	0229.3876899	0229.3875899
11	BL Thái Bình	Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án KP 3, KĐT mới Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình	0227.6528666	0227.3658966
	Khu vực Hà Nội			
12	BL Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội	024.37629070 024.37629071	04.37629045
13	BL Thủ Đô	74 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	024.37824330	04.37824331
14	BL Thăng Long	Tầng 2, Tòa nhà ACCI, số 210 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	024.71086033	04.71086033
15	Sở Giao dịch miền Bắc	Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu giấy, Tp. Hà Nội	024.44501080	
16	BL Đông Đô	Tầng 5, tòa nhà Bắc Hà C14, Phố Tố Hữu, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	024.6664.1786	
	Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên			
17	BL Thanh Hóa	33 Bà Triệu, P. Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa	037.3855.658	037.3859.658
18	BL KV Bắc Trung Bộ	Số 2 Nguyễn Sỹ Sách, Tp. Vinh, T. Nghệ An	038.3575368	038.3575268
19	BL KV Trung Bộ	Tầng 1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, Tp. Huế, T. Thừa Thiên Huế	054.3978288	054.3879099
20	BL KV Tây Nguyên	161 Ngô Quyền , P. Tân Lợi, Tp. Buôn Mê Thuột, T. Đắk Lắc	0500.8553789	0500.3968768
21	BL Đà Nẵng	45 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3840890	0511.3840656
22	BL Quảng Ngãi	Số 63-65 Đường Lê Lợi, Tp. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	055.6272191	055.3836181
23	BL Phú Yên	242-244-246 Hùng Vương, Tp .Tuy Hòa, T. Phú Yên	0573.821979	0573.810409
24	BL Bình Định	48 đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định	056.3846350	056.3846380
25	BL Khánh Hòa	118 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa	058.3515229	058.3515209
26	BL Bình Thuận	Số E3 Đường Hùng Vương, KP. 14, P. Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận	062.6507979	062.6253179
27	BL Lâm Đồng	2F Đường Ba Tháng Tư, P. 3, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	063.3837568	063.3837268
28	BL Gia Lai	53 Nguyễn Tất Thành, KPM. Hoa Lư-Phù Đổng, P. Hoa Lư, Tp. Pleiku, T. Gia Lai	0593.719767	0593.714243
29	BL Quảng Bình	Tầng 1, số 453 Lý Thường Kiệt, P. Bắc Lý, Tp. Đồng Hới, T. Quảng Bình	0232.3838233	0232.3838234

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Công ty Thành viên	Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
	Khu vực TP.HCM				
30	Sở giao dịch Bảo Long		159 Hoa Lan, P. 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM	08.35172915	08.35172921
31	BL Bến Thành		50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. HCM	08.39260524	08.39260525
32	BL TP.HCM		Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM	08.38.296268	08.38.296269
33	BL Sài Gòn		449 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Q. 1, Tp. HCM	08.39202288 08.39204560	08.39204556
34	BL Nam Sài Gòn		39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5 - Tp. HCM	08.38537990	08.38536079
35	BL Gia Định		94 Trần Quang Diệu, P. 14, Quận 3, Tp. HCM	08.35264405	08.35261158
36	BL Tân Sơn Nhất		Số 402B Đường Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39903119	08.39903117
37	BL Đông Sài Gòn		Tầng 6, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM	08.38279478	8.38239254
38	BL Đông Phương		Tầng 5-Tầng 6 Tòa nhà 44-46 Châu Văn Liêm, P. 10, Q. 5, Tp. HCM	08.39505014/15/16	08.39505013
	Khu vực Đông Nam Bộ				
39	BL Bình Dương		126 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, Tx . TDM, T. Bình Dương	0650.3837108	0650.3837109
40	BL Đồng Nai		176 Võ Thị Sáu, P.Thống Nhất -Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0613.822112 0613.918095	0613.822966
41	BL Vũng Tàu		Tầ ng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P6, Tp. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0643.591033	0643.591932
42	BL Tây Ninh		Tầng 2, Tòa nhà Ngân hàng ACB, 448 Đường 30/4, KP1, P.3, Tp. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276. 3846666	0276.362.7666
	Khu vực Miền Tây				
43	BL Long An		Tầng 4, Tào nhà số 68A Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, T. Long An	0723.550677	0723.550477
44	BL Cần Thơ		30 A3, KDC Hưng Phú I, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ	0710.3834117 0710.3734620	0710.3766466
45	BL Cà Mau		Số 137 Đường Nguyễn Tất Thành, P. 8, Tp. Cà Mau, T. Cà Mau	0780.3520557	0780.3520556
46	BL Kiên Giang		Số L7-12 Trần Quang Khải, PAn Hòa, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0773.777792	0773.777793

© FSC
Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.baohiembaolong.vn

BAO LONG INSURANCE

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

[⌂] : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
[☎] : (84.28) 3823 9219
[🖷] : (84.28) 3822 8967
[✉] : info@baohiembaolong.vn
[⊛] : **www.baohiembaolong.vn**

Designed by NEXT BRAND 0902 860 369